

**DANH SÁCH HỌC SINH QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ CHÈNH LỆCH
MỨC THU HỌC PHÍ HKII NH 2022-2023**

Theo Nghị Quyết số 17/2022/HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố
(Đính kèm Quyết định số: 163/QĐ-CH ngày 18/7/2023 của Trường THCS Chánh Hưng về việc phê duyệt danh sách học sinh HKII NH 2022-2023)

STT	HỌ TÊN HỌC SINH	LỚP	Đối tượng	Mức thu học phí theo qui định 200.000đ/tháng	Số tháng Thực tế HKII NH 2022-2023(tháng 1/2023-5/2023)	Mức hỗ trợ	Số tiền học phí đã nghị cấp trả	GHI CHÚ
1	Trần Ngọc Xuân Ái	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2	Nguyễn Huỳnh Trâm Anh	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
3	Vương Gia Bảo	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
4	Lê Hoàng Bel	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
5	Nguyễn Anh Dũng	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
6	Nguyễn Hoàng Dũng	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
7	Lê Phạm Hàm Duyên	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
8	Hoàng Công Minh Đăng	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
9	Dương Nguyễn Ngọc Hân	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
10	Trần Kim Hân	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
11	Võ Ngọc Hậu	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
12	Cao Trung Hiếu	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
13	Nguyễn Lộc Hiếu	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
14	Nguyễn Tấn Hoàng	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
15	Nguyễn Hồ Hoàng Hoàn	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
16	Đặng Gia Huy	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
17	Huỳnh Trần Gia Huy	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
18	Nguyễn Lê Tấn Khai	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
19	Đào Hoàng Bảo Khang	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
20	Đào Hùng Duy Khang	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
21	Nguyễn Hoàng Khang	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
22	Nguyễn Lưu Đăng Khoa	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
23	Nguyễn Anh Kiệt	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
24	Nguyễn Thiện Kim	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
25	Đinh Thị Thủy Linh	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
26	Nguyễn Gia Linh	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
27	Võ Nguyễn Phi Long	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
28	Dương Hoàng Minh	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
29	Thái Trịnh Hoàn Mỹ	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
30	Trần Võ Hào Nam	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
31	Nguyễn Ngọc Thu Ngân	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
32	Trần Trung Nghĩa	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
33	Nguyễn Như Ngọc	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
34	Trần Thảo Ngọc	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
35	Trương SP Nguyễn	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
36	Lưu Chí Nhân	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
37	Nguyễn Trọng Hiếu Nhân	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
38	Lê Nguyễn Bảo Nhi	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
39	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
40	Nguyễn Hoàng Phát	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	

41	Trần Hoàng Phúc	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
42	Huỳnh Nguyễn Minh Quang	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
43	Nguyễn Hoàng Quân	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
44	Bùi Nguyễn Quốc	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
45	Phạm Ngọc Bảo Quyền	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
46	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
47	Dương Tấn Sang	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
48	Nguyễn Phát Tài	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
49	Nguyễn Mai Thanh	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
50	Tăng Phạm Thắng	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
51	Võ Trần Minh Tiến	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
52	Phạm Ngọc Yến	6A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
53	Hà Ngọc Minh Anh	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
54	Ninh Ngọc Bảo	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
55	Phan Bằng Bằng	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
56	Huỳnh Nguyễn Thành Công	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
57	Bùi Minh Dũng	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
58	Thái Hoàng Phương Duyên	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
59	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
60	Dương Trung Hậu	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
61	Nguyễn Kim Hiền	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
62	Trần Trung Hiếu	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
63	Lư Thảo Hân	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
64	Tạ Thị Kim Hồng	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
65	Nguyễn Gia Huy	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
66	Phan Nhật Hưng	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
67	Phạm Vũ Đình Kha	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
68	Nguyễn Hữu Hoàng Khang	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
69	Nguyễn Vi Khang	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
70	Trần Hoàng Quốc Khánh	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
71	Lê Quốc Kiệt	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
72	Nguyễn Phạm Trúc Kiều	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
73	Khúc Nguyễn Thiên Kim	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
74	Lê Hoàng Linh	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
75	Nguyễn Hoàng Bảo Long	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
76	Nguyễn Đức Tân Lộc	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
77	Nguyễn Hoàng Minh	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
78	Phạm Ngọc Bảo Mỹ	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
79	Tăng Thục Mỹ	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
80	Ngô Chí Nam	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
81	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
82	Lê Trương Hồng Ngọc	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
83	Ngô Nguyễn Bảo Nguyễn	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
84	Cao Như Nguyệt	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
85	Nguyễn Hiếu Nhân	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
86	Trần Ngọc Tuyết Nhi	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
87	Nguyễn Phát	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
88	Vũ Thành Phú	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
89	Nguyễn Ngọc Quang	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
90	Đỗ Minh Quân	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
91	Nguyễn Ngọc Quyền	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
92	Vũ Thị Phương Quỳnh	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

90	Lê Thành Sang	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
94	Phạm Ngọc Sơn	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
95	Võ Minh Tâm	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
96	Mai Minh Thanh	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
97	Mai Lê Anh Thư	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
98	Lê Ngọc Cát Tiên	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
99	Quách Hữu Tĩnh	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
100	Đoàn Thị Thanh Trà	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
101	Nguyễn Ngọc Yến Trang	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
102	Lê Đoàn Bảo Trân	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
103	Lê Thị Bích Tuyền	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
104	Huỳnh Thảo Vy	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
105	Phan Thị Phi Yến	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
106	Trần Ngọc Yến	6A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
107	Nguyễn Hoàng Mỹ Anh	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
108	Nguyễn Quốc Anh	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
109	Trần Hoàng Gia Bảo	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
110	Trịnh Bảo Châu	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
111	Lưu Hoàng Thiện Di	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
112	Nguyễn Dương	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
113	Nguyễn Thành Đạt	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
114	Lương Bảo Hân	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
115	Nguyễn Như Hiếu	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
116	Phạm Tấn Huy	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
117	Nguyễn Gia Hưng	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
118	Lê Hoàng Minh Khải	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
119	Ngô Quốc Khang	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
120	Phan Trọng Khang	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
121	Phạm Minh Khon	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
122	Trương Đăng Khôi	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
123	Phan Ngọc Thiên Kim	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
124	Trần Nguyễn Duy Lâm	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
125	Mai Phương Linh	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
126	Nguyễn Hoàng Long	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
127	Điệp Trang My	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
128	Huỳnh Nguyễn Phương Nghi	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
129	Nguyễn Hồng Ngọc	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
130	Thống Gia Ngọc	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
131	Nguyễn Thành Nhân	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
132	Hà Võ Yến Nhi	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
133	Huỳnh Ngọc Nhi	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
134	Nguyễn Minh Phúc	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
135	Nguyễn Đức Sang	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
136	Phạm Phương Tâm	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
137	Phạm Quốc Thái	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
138	Nguyễn Đức Thành	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
139	Cao Thanh Phương Thảo	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
140	Nguyễn Thanh Thảo	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
141	Vũ Cường Thịnh	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
142	Nguyễn Minh Thư	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
143	Nguyễn Thị Ngọc Tiên	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
144	Trần Minh Tiến	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

145	Bùi Duy Toàn	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
146	Nguyễn Trần Thùy Trang	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
147	Trần Ngọc Trân	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
148	Huỳnh Trần Thủy Trân	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
149	Lý Trần Thuở Trân	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
150	Phạm Phương Trinh	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
151	Dương Thanh Mỹ Trúc	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
152	Huỳnh Cảnh Tú	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
153	Nguyễn Ngọc Tuấn	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
154	Nguyễn Cát Tường	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
155	Phạm Ngọc Tuyết Vân	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
156	Lê Khánh Vy	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
157	Đặng Thị Như Ý	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
158	Phạm Ngọc Kim Yên	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
159	Mohamad You So	6A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
160	Thái Quỳnh An	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
161	Nguyễn Hà Anh	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
162	Nguyễn Hoàng Anh	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
163	Võ Thị Kim Anh	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
164	Lê Cao Quỳnh Anh	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
165	Võ Nguyễn Đan Quỳnh Anh	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
166	Nguyễn Huỳnh Gia Bảo	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
167	Lê Thái Bảo	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
168	Nguyễn Hoàng Danh	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
169	Lý Hữu Đồng	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
170	Nguyễn Hữu Hiền	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
171	Nguyễn Lê Minh Hưng	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
172	Nguyễn Tuấn Hưng	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
173	Trương Thanh Ngọc KaThy	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
174	Hà Minh Khang	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
175	Phạm Võ Minh Khang	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
176	Nguyễn Đăng Bảo Khanh	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
177	Nguyễn Trần Đăng Khôi	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
178	Nguyễn Huỳnh Anh Kiệt	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
179	Trương Ngọc Kim	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
180	Nguyễn Việt Kim	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
181	Lê Hồng Lâm	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
182	Phạm Mỹ Linh	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
183	Đoàn Ngọc Phương Linh	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
184	Nguyễn Quang Long	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
185	Phạm Thị Hải My	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
186	Lương Võ Phương Nghi	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
187	Hà Lâm Bảo Ngọc	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
188	Dương Ngọc Nhi	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
189	Lê Như	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
190	Nguyễn Đặng Quỳnh Như	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
191	Huỳnh Tấn Phát	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
192	Lê Phạm Bảo Quang	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
193	Nguyễn Thanh Quang	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
194	Lưu Hồng Kim Thanh	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
195	Nguyễn Phúc Thanh	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
196	Phạm Phương Thảo	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

197	Lê Nguyễn Anh Thư	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
198	Nguyễn Xuân Thư	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
199	Võ Phạm Kim Thùy	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
200	Nguyễn Võ Đức Tin	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
201	Lê Trung Tĩnh	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
202	Nguyễn Thụy Hồng Trâm	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
203	Trần Huyền Trang	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
204	Nguyễn Thành Trí	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
205	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
206	Trần Ngọc Thanh Trúc	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
207	Lê Quang Anh Tuấn	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
208	Nguyễn Ngọc Thanh Tuyết	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
209	Huỳnh Quốc Vũ	6A4	Học sinh	310.000	5	240.000	1.200.000
210	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
211	Lê Đàm Tú Vy	6A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
212	Nguyễn Ngọc Minh Anh	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
213	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
214	Nguyễn Thị Ngọc Anh	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
215	Phạm Mai Anh	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
216	Huỳnh Nguyễn Ngọc Anh	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
217	Nguyễn Võ Bảo Châu	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
218	Nguyễn Khánh Cường	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
219	Đỗ Võ Thành Danh	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
220	Nguyễn Thùy Dung	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
221	Trần Yến Duy	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
222	Vũ Nguyễn Trúc Dự	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
223	Trần Minh Đức	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
224	Bùi Ngọc Hà	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
225	La Chí Hào	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
226	Lê Phước Hạo	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
227	Bùi Ngọc Gia Hân	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
228	Nguyễn Nhật Hoàng	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
229	Đoàn Lê Kim Hồng	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
230	Lương Gia Huy	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
231	Nguyễn Cao Bảo Huy	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
232	Lý Châu Hưng	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
233	Dương Gia Khang	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
234	Nguyễn Anh Khoa	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
235	Trần Anh Khôi	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
236	Trần Nguyễn Trung Kiên	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
237	Hồ Thiên Kim	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
238	Lý Bội Linh	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
239	Đỗ Tiến Lộc	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
240	Đặng Nguyễn Thanh Mai	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
241	Huỳnh Anh Minh	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
242	Nguyễn Đình Nam	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
243	Võ Thị Minh Ngọc	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
244	Nguyễn Ngọc Bảo Nguyên	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
245	Nguyễn Thanh Nhã	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
246	Bùi Nguyễn Yến Nhi	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
247	Nguyễn Thanh Thiện Như	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
248	Trần Ngọc Tâm Như	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

248	Dương Tân Phát	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
249	Nguyễn Trần Tân Phát	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
250	Lê Nguyễn Phong	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
251	Lê Mai Thanh	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
252	Lê Thị Kim Thảo	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
253	Nguyễn Phúc Thịnh	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
254	Nguyễn Hữu Thuận	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
255	Nguyễn Thành Tiến	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
256	Trần Dương Xuân Trung	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
257	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
258	Nguyễn Thanh Tuấn	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
259	Trần Thị Thanh Tuyền	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
260	Trần Nguyễn Quang Vinh	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
261	Cao Ngọc Khánh Vy	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
262	Nguyễn Lâm Hoàng Yên	6A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
263	Bùi Phương Lan Anh	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
264	Đoàn Ngọc Quỳnh Anh	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
265	Nguyễn Trình Quốc Bảo	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
266	Vũ Quỳnh Chi	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
267	Hà Quốc Cường	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
268	Hà Ngọc Dung	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
269	Thái Văn Đạt	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
270	Lê Gia Hải	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
271	Nguyễn Lê Ngọc Hân	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
272	Bùi Trọng Hiếu	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
273	Lê Quốc Huân	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
274	Nguyễn Hoàng Anh Huy	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
275	Trần Quốc Huy	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
276	Đặng Lê Phúc Khang	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
277	Dư Nguyễn Đình Khoa	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
278	Lê Mỹ Kim	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
279	Lê Vũ Thiên Kim	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
280	Phùng Nguyễn Quỳnh Lam	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
281	Nguyễn Gia Linh	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
282	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
283	Trần Phạm Tấn Lộc	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
284	Vũ Thị Mai	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
285	Châu Tuệ Mẫn	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
286	Bùi Nguyễn Minh	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
287	Trương Khánh Ngân	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
288	Trần Nguyễn Bảo Ngọc	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
289	Trịnh Khải Nguyên	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
290	Vương Hoàng Nguyên	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
291	Lý Phạm Yến Nhi	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
292	Lê Chấn Phong	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
293	Nguyễn Duy Phúc	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
294	Nguyễn Hoàng Mai Phương	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
295	Huỳnh Ngô Ngọc Quang	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
296	Phạm Nhật Quỳnh	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
297	Đỗ Ngọc Sương	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
298	Nguyễn Ngọc Tân	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
299	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

300	Trịnh Quốc Thắng	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
301	Phạm Lê Quốc Thịnh	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
302	Đặng Anh Thư	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
303	Lê Hoàng Song Thư	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
304	Trần Lê Uyên Thy	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
305	Tiền Minh Toàn	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
306	Lê Thanh Trà	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
307	Lê Phạm Huyền Trang	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
308	Lê Khánh Trần	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
309	Lý Thị Mỹ Trân	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
310	Huỳnh Xuân Tri	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
311	Phạm Minh Trí	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
312	Đặng Anh Tú	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
313	Nguyễn Huỳnh Nhã Vy	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
314	Võ Thị Yên	6A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
315	Châu Hoàng Minh Anh	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
316	Hồ Quốc Anh	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
317	Lê Hoàng Anh	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
318	Trần Gia Bảo	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
319	Châu Tả Cường	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
320	Thái Sơn Anh Dũng	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
321	Trần Anh Đức	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
322	Võng Dân Hân	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
323	Quan Gia Hân	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
324	Bùi Thị Tâm Hiền	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
325	Thạch Nguyễn Minh Hoàng	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
326	Nguyễn Quốc Huân	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
327	Nguyễn Hoàng Gia Huy	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
328	Đặng Hoàng Khải	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
329	Nguyễn Phúc An Khang	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
330	Trần Đăng Khoa	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
331	Trần Nguyễn Thiên Kim	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
332	Nguyễn Phạm Trúc Lâm	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
333	Vũ Quang Tông Lâm	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
334	Lê Hoàng Phương Linh	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
335	Nguyễn Văn Hoàng Long	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
336	Nguyễn Thị Ngọc Mai	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
337	Nguyễn Ngọc Mi	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
338	Nguyễn Quang Minh	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
339	Vũ Thanh Nam	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
340	Lý Phạm Thanh Ngân	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
341	Diệp Tuấn Ngàn	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
342	Lưu Nguyễn Gia Nguyễn	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
343	Lê Bảo Thanh Nhã	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
344	Lê Hoàng Uyên Nhi	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
345	Vũ Phạm Tân Như	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
346	Huỳnh Tấn Phát	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
347	Nguyễn Hoàng Phúc	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
348	Huỳnh Trương Mỹ Phương	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
349	Ngô Băng Quyên	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
350	Nguyễn Hữu Như Quỳnh	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
351	Nguyễn Phú Tài	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

350	Huỳnh Nhật Tân	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
351	Dương Ngọc Lan Thanh	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
352	Nguyễn Thị Thu Thảo	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
353	Diễn Thanh Thủy	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
354	Nguyễn Hồng Anh Thư	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
355	Phạm Vũ Song Thư	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
356	Vũ Trần Quy Tín	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
357	Bùi Phạm Minh Toàn	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
358	Hứa Khương Trà	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
359	Nguyễn Ngọc Phương Trang	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
360	Nguyễn Thị Huỳnh Trang	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
361	Àu Ngọc Bảo Trâm	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
362	Phạm Hoàng Phương Trinh	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
363	Đoàn Minh Vy	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
364	Trần Huỳnh Phương Vy	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
365	Nguyễn Hoàng Kim Yến	6A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
366	Nguyễn Hồng Mỹ Anh	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
367	Nguyễn Phan Minh Anh	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
368	Trịnh Hoàng Anh	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
369	Nguyễn Bảo Châu	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
370	Nguyễn Quốc Cường	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
371	Trần Quốc Đạt	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
372	Phạm Thành Đức	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
373	Đặng Nguyễn Trường Giang	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
374	Nguyễn Quốc Hào	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
375	Tạ Lưu Khánh Hân	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
376	Nguyễn Trung Hiếu	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
377	Nguyễn Ngọc Già Hoàng	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
378	Nguyễn Hoàng Huy	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
379	Nguyễn Quốc Huy	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
380	Thái Trang Lê Khai	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
381	Nguyễn Phúc Khang	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
382	Trần Già Khang	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
383	Trần Mai Khoa	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
384	Lê Thị Mỹ Loan	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
385	Nguyễn Thành Luân	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
386	Nguyễn Minh Mẫn	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
387	Trương Thảo Mi	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
388	Phạm Nguyễn Duy Minh	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
389	Nguyễn Hoàng Nam	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
390	Vũ Thái Phương Nghi	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
391	Lê Trọng Nguyễn	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
392	Nguyễn Hữu Nhân	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
393	Lê Ngọc Như	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
394	Nguyễn Ngọc Bảo Như	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
395	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
396	Nguyễn Thành Phát	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
397	Nguyễn Thế Phong	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
398	Lê Nguyễn Quang Phúc	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
399	Đỗ Anh Quân	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
400	Nguyễn Hồng Quyền	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
401	Lê Phước Sang	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

405	Nguyễn Lê Thanh Tâm	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
406	Trần Duy Tân	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
407	Nguyễn Hữu Thành	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
408	Dương Đức Thiện	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
409	Nguyễn Xuân Thịnh	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
410	Vô Phạm Thanh Thủy	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
411	Lê Anh Thư	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
412	Nguyễn Minh Thư	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
413	Nguyễn Phước Toàn	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
414	Trang	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
415	Nguyễn Bảo Trâm	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
416	Trần Thị Ngọc Trâm	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
417	Nguyễn Minh Trí	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
418	Nguyễn Ngọc Trâm Vy	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
419	Nguyễn Kim Ngọc Ý	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
420	Nguyễn Ngọc Kim Ý	6A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
421	Mai Công Tuấn Anh	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
422	Trần Minh Anh	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
423	Phùng Hồ Già Bảo	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
424	Hoàng Nguyễn Huệ Châu	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
425	Lê Bảo Điện	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
426	Nguyễn Minh Đức	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
427	Lê Thị Kim Giàu	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
428	Đỗ Lê Khánh Hào	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
429	Lý Anh Hào	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
430	Nguyễn Trần Ngọc Hân	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
431	Trần Ngọc Hiền	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
432	Ngô Minh Hiếu	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
433	Nguyễn Minh Hoàng	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
434	Nguyễn Thanh Huy	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
435	Ninh Gia Huy	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
436	Nguyễn Cát Phan Hưng	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
437	Nguyễn Duyên Hưng	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
438	Huỳnh Minh Khang	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
439	Phạm Hoàng Khang	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
440	Nguyễn Minh Khôi	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
441	Trương Khánh Linh	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
442	Lê Minh Lương	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
443	Nguyễn Ngọc Mai	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
444	Nguyễn Duyên Minh	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
445	Vương Lâm Nhật Minh	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
446	Ngô Hoàng Thuở My	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
447	Trần Trọng Nghĩa	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
448	Trần Thanh Nhã	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
449	Lê Minh Nhật	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
450	Lê Minh Nhật	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
451	Lê Vĩnh Phát	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
452	Nguyễn Nhật Phát	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
453	Nguyễn Hồng Anh Phi	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
454	Trương Thánh Phong	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
455	Mai Thanh Phúc	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
456	Phạm Phú Quan	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000



457	Huỳnh Đình Quý	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
458	Dương Thị Quyền	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
459	Nguyễn Minh Lê Tân	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
460	Vũ Minh Tân	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
461	Nguyễn Minh Thái Thái	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
462	Trương Đình Thiện	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
463	Đoàn Đặng Hoàng Thịnh	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
464	Ngô Hoàng Thịnh	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
465	Trần Minh Tiến	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
466	Vũ Minh Trí	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
467	Phạm Phú Trọng	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
468	Huỳnh Ngọc Thùy Vi	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
469	Nguyễn Xuân Việt	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
470	Trần Minh Vũ	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
471	Ngô Thị Ý Vy	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
472	Trần Nguyễn Minh Vy	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
473	Nguyễn Hải Yên	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
474	Nguyễn Ngọc Bảo Yên	6A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
475	Cao Tấn Đạt	6P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
476	Lê Hoàng Hải	6P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
477	Lương Ngọc Hân	6P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
478	Tô Nguyễn Gia Hân	6P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
479	Phạm Minh Hoàng	6P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
480	Trương Gia Huy	6P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
481	Vũ Tuấn Khang	6P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
482	Trần Tấn Khoa	6P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
483	Vân Nguyễn Thiên Kim	6P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
484	Nguyễn Thị Ngọc Linh	6P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
485	Trương Từ Gia Minh	6P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
486	Hoàng Lê Bảo Mỹ	6P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
487	Phạm Nguyễn Hoàng Nghi	6P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
488	Nguyễn Phương Ngọc	6P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
489	Đặng Chí Nguyễn	6P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
490	Nguyễn Ngọc Phú	6P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
491	Nguyễn Ngọc Nam Phương	6P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
492	Sao Ngọc Quý	6P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
493	Trần Ngọc Thảo Quyền	6P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
494	Nguyễn Mai Trọng Sang	6P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
495	Trương Minh Thắng	6P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
496	Nguyễn Minh Thuận	6P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
497	Nguyễn Ngọc Thùy Trang	6P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
498	Lê Phan Phương Vy	6P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
499	Nguyễn Phương Vy	6P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
500	Nguyễn Ngọc Như Ý	6P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
501	Phạm Hoài An	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
502	Trương Thủy An	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
503	Phạm Quỳnh Anh	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
504	Thần Phương Anh	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
505	Trần Nguyễn Phương Anh	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
506	Trần Tú Anh	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
507	Nguyễn Bảo Châu	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
508	Nguyễn Khánh Chi	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

300	Nguyễn Thành Danh	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
301	Nguyễn Ngọc Ngân Giang	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
302	Phạm Trần Già Hào	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
303	Trần Quý An Hào	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
304	Nguyễn Già Hân	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
305	Lê Hình Minh Hiếu	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
306	Phạm Võ Nhật Huy	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
307	Phùng Lê Huy	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
308	Bùi Thiệu Hương	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
309	Lương Chí Khải	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
310	Nguyễn Huỳnh Minh Khang	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
311	Nguyễn Già Khánh	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
312	Trần Phạm Kim Khánh	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
313	Trương Ngọc Khánh	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
314	Đoàn Phạm Đăng Khối	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
315	Nguyễn Anh Khối	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
316	Lương Nhã Kỳ	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
317	Đinh Nguyễn Hoàng Lâm	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
318	Bùi Trung Long	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
319	Ấu Dương Khả Minh	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
320	Nguyễn Thảo Uyên My	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
321	Nguyễn Văn Phương Nam	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
322	Trần Tường Nghi	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
323	Trần Hiếu Nghĩa	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
324	Đặng Nguyễn Như Ngọc	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
325	Lê Phạm Hồng Ngọc	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
326	Nguyễn Hoài Ngọc	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
327	Phạm Thị Tuyết Nhi	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
328	Trần Già Thuận Phát	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
329	Nguyễn Ngọc Lan Phương	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
330	Nguyễn Hồng Quân	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
331	Hồ Nguyễn Lâm Thái	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
332	Phạm Bảo Như Thành	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
333	Nguyễn Thanh Thảo	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
334	Nguyễn Hữu Thắng	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
335	Đinh Cường Thịnh	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
336	Lâm Xuân Thùy	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
337	Cao Già Toán	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
338	Trần Đức Tri	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
339	Nguyễn Diễm Trinh	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
340	Nguyễn Ngọc Kiều Trinh	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
341	Diễn Thị Thanh Trúc	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
342	Bạch Duy Tùng	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
343	Thái Kiên Tường	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
344	Thái Kiên Văn	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
345	Lâm Hoàng Yên	6TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
346	Huỳnh Võ Thái An	6TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
347	Lâm Xuân An	6TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
348	Lê Trường An	6TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
349	Hồ Quỳnh Anh	6TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
350	Huỳnh Quốc Anh	6TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
351	Nguyễn Huyền Anh	6TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	

561	Nguyễn Ngọc Tô Anh	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
562	Nguyễn Quỳnh Anh	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
563	Hàng Trí Bách	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
564	Viên Ngọc Bích	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
565	Bùi Ngọc Bảo Châu	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
566	Trần Nhứt Khánh Chi	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
567	Trần Ngọc Dung	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
568	Trần Phạm Nhật Duy	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
569	Đỗ Anh Hòa	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
570	Tăng Gia Hân	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
571	Trần Hoàng Gia Hân	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
572	Võ Nguyễn Gia Hân	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
573	Nguyễn Nhật Hoàng	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
574	Đỗ Minh Huy	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
575	Là Gia Huy	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
576	Lê Minh Huy	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
577	Hồ Lê Minh Khang	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
578	Nguyễn Minh Khang	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
579	Huỳnh Lê Khôi	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
580	Lưu Công Khương	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
581	Nguyễn Ngọc Lam	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
582	Hoàng Ngọc Linh	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
583	Nguyễn Huỳnh Trúc Linh	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
584	Lê Huỳnh Quốc Anh Long	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
585	Nguyễn Thanh Hằng Mạnh	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
586	Phạm Ngọc Minh	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
587	Quang Hiên Minh	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
588	Ta Anh Minh	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
589	Trần Nhật Minh	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
590	Trần Tông Nam	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
591	Huỳnh Bảo Ngọc	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
592	Trương Bảo Ngọc	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
593	Nguyễn Trần Phi Nhung	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
594	Nguyễn Tâm Như	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
595	Đỗ Thiệu Phong	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
596	Huỳnh Lê Minh Phúc	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
597	Trần Chí Thành	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
598	Bùi Nguyễn Phước Thọ	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
599	Vũ Ngọc Kiều Trang	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
600	Nguyễn Lê Minh Tú	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
601	Nguyễn Tăng Minh Tuệ	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
602	Nguyễn Tăng Nhật Tuệ	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
603	Nguyễn Ngọc Cát Tường	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
604	Nguyễn Song Nhật Vy	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
605	Lý Gia Huy	6TC2	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
606	Châu Mỹ An	7A1	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
607	Lê Thụy Hồng Ân	7A1	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
608	Lê Gia Bảo	7A1	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
609	Lương Duy Bảo	7A1	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
610	Trần Anh Gia Bảo	7A1	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
611	Vũ Thanh Châu Bảo	7A1	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000
612	Nguyễn Thành Danh	7A1	Học sinh	300,000	5	240,000	1,200,000

603	Nguyễn Tấn Đạt	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
604	Nguyễn Minh Đăng	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
605	Phạm Đình Giang	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
606	Nguyễn Ngọc Khả Hân	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
607	Nguyễn Thị Gia Hân	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
608	Nguyễn Nhật Huy	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
609	Lê Minh Khang	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
610	Phạm Tuấn Khang	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
611	Huỳnh Thị Mỹ Khanh	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
612	Nguyễn Đoàn Văn Khánh	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
613	Phạm Trần Đăng Khoa	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
614	Trần Nguyễn Đăng Khoa	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
615	Nguyễn Đăng Khôi	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
616	Phạm Phúc Minh Khôi	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
617	Lê Lương Hoàng Kim	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
618	Lê Minh Luân	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
619	Trần Nguyễn Quang Minh	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
620	Hà Thị Kiều My	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
621	Giáp Lê Ngọc Ngân	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
622	Huỳnh Phương Ngân	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
623	Nguyễn Kim Ngân	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
624	Lê Nguyễn Bảo Nghi	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
625	Trần Đông Nghi	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
626	Đặng Lê Kim Ngọc	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
627	Vũ Hồng Ngọc	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
628	Trần Anh Nguyễn	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
629	Dương Ngọc Bảo Nhi	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
630	Nguyễn Hoàng Yên Nhi	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
631	Vũ Khánh Phương	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
632	Nguyễn Minh Quý	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
633	Huỳnh Văn Quý	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
634	Triệu Huỳnh Minh Thành	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
635	Nguyễn Hoàng Phương Thảo	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
636	Nguyễn Ngọc Thảo	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
637	Huỳnh Anh Thi	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
638	Nguyễn Đỗ Hoàng Thiên	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
639	Nguyễn Lê Kim Thơ	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
640	Mai Anh Thư	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
641	Nguyễn Ngọc Bích Trâm	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
642	Đỗ Minh Triết	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
643	Huỳnh Lê Cẩm Tú	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
644	Nguyễn Vương Anh Tuấn	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
645	Ngô Tấn Tường	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
646	Ngô Thanh Vy	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
647	Nguyễn Ngọc Thùy Vy	7A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
648	Huỳnh Lan Anh	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
649	Cao Thị Xuân Ánh	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
650	Trần Thị Kim Chi	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
651	Lê Ngọc Diễm	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
652	Huỳnh Hữu Đức	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
653	Nguyễn Hoàng Hải	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
654	Nguyễn Hồ Hoàng Hải	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

665	Nguyễn Phước Hải	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
666	Ta Minh Hiếu	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
667	Lâm Già Hay	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
668	Nguyễn Quốc Huy	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
669	Tô Thanh Huyền	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
670	Nguyễn Già Khang	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
671	Tô Phước Khang	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
672	Lý Nhã Kỳ	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
673	Nguyễn Lê Liêm	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
674	Phạm Nguyễn Thủy Linh	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
675	Kiều Lê Hoàng Lộc	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
676	Phạm Ngọc Ánh Minh	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
677	Trần Thị Kim Ngân	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
678	Đỗ Tấn Ngọc	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
679	Lý Bảo Ngọc	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
680	Trương Bích Nguyệt	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
681	Dương Thành Tuyết Nhi	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
682	Nguyễn Già Phát	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
683	Lê Thanh Phong	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
684	Lê Uy Phong	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
685	Ngô Thanh Phong	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
686	Từ Diễm Phúc	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
687	Phạm Nguyễn Kim Phụng	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
688	Nguyễn Ngọc Diễm Phương	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
689	Dương Bá Quang	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
690	Đỗ Già Quỳnh	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
691	Nguyễn Thị Như Quỳnh	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
692	Lý Hoàng Sang	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
693	Huỳnh Dương Minh Sĩ	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
694	Nguyễn Thành Tài	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
695	Nguyễn Thanh Tâm	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
696	Nguyễn Anh Thư	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
697	Lý Thanh Tiên	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
698	Huỳnh Dương Văn Tiên	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
699	Nguyễn Hoàng Tín	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
700	Phạm Trương Quỳnh Trang	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
701	Lê Thị Bích Trâm	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
702	Trần Phạm Kim Tuyền	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
703	Phạm Khánh Tường	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
704	Nguyễn Trần Phúc Vũ	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
705	Đỗ Lê Phương Vy	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
706	Nguyễn Tâm Thanh Xuân	7A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
707	Bùi Văn Anh	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
708	Trần Huỳnh Thế Anh	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
709	Lê Ngọc Thiên Ân	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
710	Ngô Già Bảo	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
711	Trịnh Kim Bội	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
712	Nguyễn Tuấn Dũng	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
713	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
714	Bùi Ngọc Châu	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
715	Lê Phước Hải	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
716	Huỳnh Già Hân	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

717	Trần Gia Hân	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
718	Nguyễn Trần Huy Hoàng	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
719	Lê Quốc Huy	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
720	Ngô Minh Khang	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
721	Nguyễn Phan Minh Khang	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
722	Phạm Duy Khang	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
723	Lưu Đăng Khoa	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
724	Trần Nguyễn Đăng Khởi	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
725	Lê Hoàng Nhã Linh	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
726	Trần Lý Anh Quốc Mạnh	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
727	Trần Kiến Minh	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
728	Võ Nguyễn Tuyết Minh	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
729	Nguyễn Cao Tuyết Ngân	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
730	Nguyễn Xuân Nhân Ngọc	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
731	Võ Lê Bảo Ngọc	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
732	Nguyễn Thị Kim Nguyễn	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
733	Trần Đăng Nguyên	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
734	Ngô Thanh Nhân	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
735	Lê Minh Nhật	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
736	Nguyễn Yến Nhi	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
737	Trần Thị Quỳnh Nhi	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
738	Nguyễn Thành Phúc	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
739	Mai Thanh Phương	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
740	Lê Nguyễn Bích Phương	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
741	Huỳnh Minh Quân	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
742	Đoàn Như Quỳnh	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
743	Nguyễn Phú Tài	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
744	Nguyễn Duy Tân	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
745	Hồ Quốc Thuận	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
746	Nguyễn Ngọc Anh Thư	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
747	Nguyễn Minh Thy	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
748	Nguyễn Phạm Hà Tiên	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
749	Huỳnh Mạnh Tiên	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
750	Nguyễn Phạm Quỳnh Trâm	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
751	Đoàn Nguyễn Thủy Vy	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
752	Lê Nguyễn Tường Vy	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
753	Trần Ngọc Tường Vy	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
754	Sắc Kỳ Sa Phi Y	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
755	Hồ Phụng Ý	7A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
756	Trần Lê Như An	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
757	Trần Ngọc Hoài An	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
758	Nguyễn Bảo Anh	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
759	Quách Thành Danh	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
760	Nguyễn Hoàng Đạt	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
761	Ngô Minh Đăng	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
762	Nguyễn Ngân Hằng	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
763	Châu Hoàng Nhật Huy	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
764	Trần Văn Quang Huy	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
765	Hồ Trọng Khang	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
766	Lê Lý Đăng Khang	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
767	Lê Phạm Uyên Khanh	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
768	Trần Nguyễn Bảo Khanh	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000



769	Trần Anh Khoa	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
770	Trần Lê Ngọc Lam	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
771	Nguyễn Trà My	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
772	Nguyễn Nhỏ Giang Nam	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
773	Vũ Ngọc Kim Ngân	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
774	Đoàn Thị Bảo Ngọc	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
775	Nguyễn Trần Hoàng Nhân	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
776	Vân Lê An Nhi	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
777	Nguyễn Tấn Phát	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
778	Lương Quang Phú	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
779	Nguyễn Hồng Phúc	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
780	Tăng Tiểu Phụng	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
781	Dương Thiên Phước	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
782	Nguyễn Duy Phước	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
783	Lâm Mai Phương	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
784	Trần Thanh Thái Sang	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
785	Vô Minh Sang	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
786	Nguyễn Thanh Thanh Tâm	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
787	Nguyễn Đình Minh Thái	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
788	Cao Nguyễn Phương Thảo	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
789	Phạm Trần Phương Thảo	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
790	Hoàng Quốc Thắng	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
791	Nguyễn Hoàng Thiên Thiên	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
792	Ông Đình Bảo Thiện	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
793	Nguyễn Ngọc Kim Thư	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
794	Nguyễn Ngọc Bảo Thy	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
795	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
796	Lê Minh Trí	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
797	Nguyễn Minh Trí	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
798	Phạm Khánh Văn	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
799	Lâm Gia Vinh	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
800	Đỗ Ngọc Yến Vy	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
801	Huỳnh Hồng Yến	7A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
802	Hồ Vũ Gia Ân	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
803	Nguyễn Hoàn Châu	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
804	Bùi Thiên Đức	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
805	Huỳnh Phú Hải	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
806	Phạm Bảo Hào	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
807	Nguyễn Thanh Hằng	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
808	Trần Gia Hân	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
809	Huỳnh Tấn Hiệp	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
810	Trần Vũ Thanh Hoài	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
811	Bùi Ngọc Huệ	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
812	Nguyễn Ngọc Gia Huy	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
813	Nguyễn Phạm Gia Huy	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
814	Nguyễn Thái Gia Huy	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
815	Lê Hoàng Khang	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
816	Nguyễn Minh Khang	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
817	Lê Đăng Khoa	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
818	Nguyễn Anh Khởi	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
819	Lê Quốc Kiệt	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
820	Nguyễn Nhật Lam	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

823	Hợp Tiến Lâm	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
823	Nguyễn Thảo Linh	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
823	Dương Phi Long	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
824	Đặng Đồng Yến Mai	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
825	Trần Ngọc Thanh Mai	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
826	Vân Nhật Nam	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
827	Nguyễn Hoàng Bảo Ngân	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
828	Lương Bảo Ngọc	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
829	Nguyễn Hồng Ngọc	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
830	Nguyễn Trần Bảo Ngọc	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
831	Nguyễn Thanh Nhã	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
832	Huỳnh Võ Ngọc Nhi	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
833	Nguyễn Ngọc Nhi	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
834	Tông Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
835	Trần Thị Hồng Như	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
836	La Ngọc Phụng	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
837	Lê Hoài Phương	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
838	Phan Thục Quyên	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
839	Lý Đào Bảo Sơn	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
840	Phạm Thành Tài	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
841	Phạm Thành Thiệu	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
842	Hoàng Anh Thư	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
843	Phan Thị Thanh Thư	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
844	Võ Nguyễn Bảo Thy	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
845	Đặng Nguyễn Bảo Trân	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
846	Lưu Minh Trí	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
847	Nguyễn Minh Trí	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
848	Nguyễn Minh Triết	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
849	Trương Hoàng Minh Triết	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
850	Phạm Thiên Trường	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
851	Phan Thanh Tùng	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
852	Ngô Thanh Tuyền	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
853	Võ Thủy Vy	7A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
854	Phạm Phúc An	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
855	Hà Ngô Huỳnh Anh	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
856	Lê Xuân Quỳnh Anh	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
857	Trương Trần Hoàng Anh	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
858	Đinh Gia Bảo	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
859	Nguyễn Hồng Tú Châu	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
860	Châu Nhật Cường	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
861	Nguyễn Thị Thủy Dương	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
862	Lê Minh Đức	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
863	Đỗ Văn Gia Hân	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
864	Đỗ Minh Huy	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
865	Nguyễn Lê Huy	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
866	Bùi Quang Khải	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
867	Nguyễn Trần Thái Khang	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
868	Quách Hoàng Gia Khang	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
869	Phạm Tôn Tiến Khoa	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
870	Trương Mỹ Kỳ	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
871	Mechacha Fatima Kim Linh	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
872	Nguyễn Thiên Long	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	

873	Nguyễn Ngọc Minh Mão	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
874	Lê Huỳnh Bảo Minh	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
875	Trần Quốc Minh	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
876	Nguyễn Ngọc Xuân Mỹ	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
877	Nguyễn Hoài Bảo Nam	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
878	Nguyễn Thái Nghĩa	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
879	Phan Bảo Ngọc	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
880	Lê Huỳnh Trí Nhân	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
881	Bùi Yến Nhi	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
882	Trịnh Yến Nhi	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
883	Trần Hà Ngọc Như	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
884	Nguyễn Minh Nhut	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
885	Lê Ngọc Long Phụng	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
886	Nguyễn Bình Phương	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
887	Nguyễn Ngọc Như Phương	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
888	Đặng Thanh Quang	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
889	Đặng Như Quỳnh	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
890	Trần Hà Ngọc Quỳnh	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
891	Trần Thanh Sơn	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
892	Trần Thanh Tài	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
893	Huỳnh Khai Tâm	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
894	Nguyễn Hoàng Thành	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
895	Trần Nguyễn Thủy Tiên	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
896	Phạm Lê Bảo Trân	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
897	Huỳnh Minh Trí	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
898	Nguyễn Hữu Trí	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
899	Hà Nhut Trọng	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
900	Hồ Nguyễn Trục	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
901	Huỳnh Anh Tuấn	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
902	Huỳnh Trần Thục Uyên	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
903	Trần Thế Vinh	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
904	Nguyễn Lê Vy	7A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
905	Lê Mỹ Anh	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
906	Nguyễn Hồng Mai Anh	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
907	Phạm Lê Quốc Anh	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
908	Võ Hoàng Ân	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
909	Lư Kim Bảo	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
910	Trần Gia Bảo	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
911	Trần Thế Đạt	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
912	Phạm Minh Hằng	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
913	Võ Ngọc Bảo Hân	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
914	Sơn Minh Hậu	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
915	Nguyễn Minh Hiền	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
916	Lê Quốc Huy	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
917	Trần Minh Huy	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
918	Trịnh Ngọc Huy	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
919	Bùi Nguyễn Trúc Huyền	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
920	Nguyễn Phước Khai	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
921	Đặng Sơn Lâm	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
922	Nguyễn Thị Diễm My	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
923	Bùi Ngọc Mỹ	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
924	Bùi Ngọc Kim Ngân	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

925	Bùi Nguyễn Ngọc Ngân	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
926	Nguyễn Ngọc Khánh Ngân	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
927	Đỗ Mỹ Ngọc	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
928	Huỳnh Thị Mỹ Ngọc	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
929	Mai Trọng Nhân	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
930	Trương Hoàng Nhật	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
931	Nguyễn Ngọc Ánh Như	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
932	Cải Minh Phát	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
933	Lý Thành Phát	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
934	Nguyễn Tấn Phát	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
935	Hoàng Đỗ Thiên Phú	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
936	Phạm Nguyễn Duy Phước	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
937	Lê Nguyễn Hoàng Phương	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
938	Nguyễn Thị Phương	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
939	Vũ Nguyễn Tuấn Sơn	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
940	Huỳnh Thái Tấn Tài	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
941	Nguyễn Tấn Tài	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
942	Trần Thanh Tài	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
943	Lâm Ngọc Phương Thanh	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
944	Ngô Nguyễn Toàn Thắng	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
945	Lê Trần Hồng Như Thủy	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
946	Phạm Lê Minh Thư	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
947	Tạ Minh Toàn	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
948	Tống Thị Thảo Trang	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
949	Lê Nguyễn Nhã Uyên	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
950	Hoàng Lê Nguyễn Văn	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
951	Trần Anh Yên Vi	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
952	Hoàng Huy Vũ	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
953	Nguyễn Mai Tường Vy	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
954	Trần Hoàng Phương Vy	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
955	Cao Triệu Thanh Xuân	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
956	Nguyễn Ngọc Như Ý	7A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
957	Lê Trần Quỳnh An	7P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
958	Nguyễn Phước An	7P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
959	Lê Tùng Chi	7P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
960	Trần Thái Cường	7P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
961	Trương Hoàng Hùng	7P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
962	Hồng Dương Gia Huy	7P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
963	Trần Phương Hy	7P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
964	Trần Mai Khanh	7P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
965	Nguyễn Đình Khoa	7P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
966	Ngô Hoàng Anh Khởi	7P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
967	Nguyễn Tuấn Kiệt	7P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
968	Lưu Thành Mẫn	7P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
969	Nguyễn Bảo Ngọc	7P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
970	Trần Minh Quân	7P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
971	Nguyễn Thạch Thanh Thảo	7P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
972	Lê Trần Ca Thy	7P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
973	Lê Nguyễn Nhật Trường	7P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
974	Trần Quang Vinh	7P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
975	Chế Nguyễn Cẩm Vy	7P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
976	Nguyễn Lâm Phương Vy	7P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

977	Trần Ngọc Như Ý	7P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
978	Nguyễn Lê Minh Anh	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
979	Trần Ngọc Vân Anh	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
980	Nguyễn Thiên Ân	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
981	Ngô Hoàng Bách	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
982	Bùi Thanh Cường	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
983	Nguyễn Thành Đạt	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
984	Trịnh Minh Dũng	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
985	Nguyễn Bảo Duy	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
986	Nguyễn Trần Hoài Đức	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
987	Trần Gia Hào	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
988	Trần Huỳnh Gia Hân	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
989	Đặng Nguyễn Hoàn	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
990	Lê Thanh Huy	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
991	Nguyễn Quốc Hưng	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
992	Nguyễn Trần Đình Khoa	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
993	Nguyễn Đăng Khởi	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
994	Phan Nguyễn Minh Khởi	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
995	Trần Nguyễn Đình Khởi	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
996	Phạm Nguyễn Như Lan	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
997	Hồ Thiên Long	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
998	Phạm Thị Trúc Minh	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
999	Hà Thị Trê My	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1000	Phạm Nhật Nam	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1001	Trịnh Lê Tuyết Ngân	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1002	Ngô Trường Phúc	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1003	Nguyễn Mai Hoàng Phúc	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1004	Trương Tân Phúc	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1005	Đặng Hoài Phương	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1006	Nguyễn Mai Hoàng Phương	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1007	Bùi Ngọc Anh Quân	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1008	Nguyễn Tấn Sang	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1009	Võ Lê Thanh Tâm	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1010	Nguyễn Hữu Thành	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1011	Trần Thái Minh Thảo	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1012	Nguyễn Ngọc Thanh Thủy	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1013	Đoàn Thanh Thủy	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1014	Nguyễn Ngọc Minh Thư	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1015	Nguyễn Huỳnh Mai Trâm	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1016	Lê Nguyễn Minh Triết	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1017	Nguyễn Ngọc Kim Tuyền	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1018	Hà Thị Phương Uyên	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1019	Nguyễn Quỳnh Vi	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1020	Dương Phú Vinh	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1021	Nguyễn Xuân Vinh	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1022	Nguyễn Phúc Uy Vũ	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1023	Dương Quốc Vương	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1024	Lê Đặng Khánh Vy	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1025	Phạm Thị Thủy Vy	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1026	Lương Nguyễn Hoàng Yếu	7TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1027	Lê Nguyễn Phương Anh	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1028	Phạm Hồng Anh	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

1007	Hoàng Gia Ân	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1008	Trần Phú Duy Bảo	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1009	Đặng Quốc Cường	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1010	Phan Nguyễn Ngọc Diệu	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1011	Nguyễn Phương Dung	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1012	Huỳnh Minh Duy	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1013	Nguyễn Thanh Duy	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1014	Trương Khánh Duy	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1015	Nguyễn Ánh Dương	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1016	Võ Quốc Đạt	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1017	Ngô Trần Hà Giang	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1018	Đặng Nguyễn Gia Hân	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1019	Phạm Ngọc Bảo Hân	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1020	Huỳnh Khánh Hòa	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1021	Nguyễn Minh Huy	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1022	Trần Huỳnh Nhật Huy	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1023	Vũ Lê Quang Huy	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1024	Hồ Phan Hà Khang	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1025	Lương Thụy Mai Khanh	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1026	Trần Phan Trung Khánh	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1027	Nguyễn Tuấn Kiệt	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1028	Nguyễn Gia Lâm	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1029	Nguyễn Phan Kiều Linh	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1030	Tôn Huỳnh Minh	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1031	Trương Ánh Minh	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1032	Lê Ngọc My	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1033	Phạm Hải Nam	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1034	Huỳnh Thị Phương Nga	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1035	Đỗ Đình Khôi Nguyễn	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1036	Lưu Hoàng Nguyễn	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1037	Bùi Ánh Nguyệt	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1038	Hồ Duy Nhân	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1039	Nguyễn Trần Thảo Nhiên	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1040	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1041	Triệu Trần Tiến Phái	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1042	Nguyễn Đỗ Nam Phương	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1043	Phan Đông Quân	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1044	Trần Hòa Vi Quý	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1045	Nguyễn Lâm Sơn	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1046	Nguyễn Ngọc Thiên Thanh	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1047	Lê Trần Kim Thảo	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1048	Lý Hào Thiện	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1049	Nguyễn Lê Cát Tiên	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1050	Nguyễn Thanh Trúc	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1051	Bùi Thụy Quỳnh Vy	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1052	Nguyễn Huỳnh Thiệp Ý	7TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1053	Bùi Thiên An	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1054	Ngô Hoài An	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1055	Phạm Triều An	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1056	Phan Diệp Thái An	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1057	Nguyễn Thị Huỳnh Anh	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1058	Trần Ngọc Thiên Anh	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

1001	Trần Nguyễn Trần Anh	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1002	Nguyễn Tường Vy Cindy	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1003	Trần Thanh Danh	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1004	Dương Trần Dương	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1005	Phạm Minh Đăng	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1006	Phạm Ngọc Hải	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1007	Nguyễn Lê Ngọc Hân	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1008	Nguyễn Trung Hiếu	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1009	Tăng Hoàng Hiếu	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1010	Phan Siêu Hoàng	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1011	Nguyễn Hoàng Gia Huy	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1012	Nguyễn Lê Gia Huy	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1013	Dương Thị Bảo Huyền	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1014	Nguyễn Minh Khang	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1015	Nguyễn Anh Khôi	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1016	Giàng Cẩm Kiên	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1017	Hồ Nguyễn Hải Lam	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1018	Ngô Thúy Linh	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1019	Vũ Thành Long	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1020	Bùi Hữu Mạnh	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1021	Dương Bảo Minh	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1022	Dương Bảo Ngọc	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1023	Nguyễn Thanh Ngọc	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1024	Hồ Nguyễn Khôi Nguyễn	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1025	Trần Hoàng Bảo Nhi	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1026	Nguyễn Tấn Phát	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1027	Trần Minh Tiến Phát	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1028	Huỳnh Phan Thiệp Phước	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1029	Lê Minh Phước	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1030	Lê Nguyễn Nguyễn Phương	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1031	Huỳnh Tấn Sang	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1032	Lâm Huỳnh Sơn	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1033	Lê Kim Tâm	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1034	Phoa Phú Thiện	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1035	Nguyễn Phước Thịnh	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1036	Hoàng Minh Thư	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1037	Nguyễn Thanh Tiến	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1038	Vũ Nguyễn Ngọc Trâm	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1039	Vũ Huyền Trân	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1040	Nguyễn Minh Trí	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1041	Đoàn Ngọc Minh Tú	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1042	Quần Nguyễn Tuấn Tú	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1043	Trương Thanh Vy	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1044	Huỳnh Ngọc Như Ý	8A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1045	Nguyễn Phú An	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1046	Lê Bảo Anh	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1047	Lê Huỳnh Tú Anh	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1048	Nguyễn Hoàng Thế Anh	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1049	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1050	Nguyễn Thị Kim Anh	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1051	Châu Phạm Ngọc Ánh	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1052	Danh Nguyễn Kiên Duy	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

1133	Đặng Thanh Thành Đạt	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1134	Trần Thành Đạt	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1135	Quách Vũ Đình	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1136	Trần Thị Hồng Hân	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1137	Nguyễn Đình Trung Hiếu	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1138	Lê Minh Khang Huy	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1139	Phan Quốc Huy	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1140	Huỳnh Minh Hưng	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1141	Nguyễn Phúc Khang	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1142	Tô Hoàng Kim	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1143	Lê Nguyễn Hồng Lâm	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1144	Phạm Lê Thảo Ly	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1145	Phạm Ngọc Phương Mai	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1146	Nguyễn Bình Minh	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1147	Nguyễn Thị Anh Minh	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1148	Nguyễn Quỳnh Như Ngọc	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1149	Nguyễn Thị Kim Ngọc	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1150	Nguyễn Văn Khả Nhi	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1151	Lê Ngọc Kim Nhung	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1152	Nguyễn Đức Phát	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1153	Vũ Tấn Phát	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1154	Nguyễn Tuấn Phong	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1155	Phan Tấn Phước	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1156	Nguyễn Khánh Phương	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1157	Nguyễn Ngọc Quế Phương	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1158	Lê Anh Tài	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1159	Hứa Nguyễn Song Thanh	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1160	Thái Tiến Thịnh	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1161	Vũ Nguyễn Thanh Thuận	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1162	Trịnh Phước Tiến	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1163	Phạm Ngọc Đoàn Trang	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1164	Vũ Thủy Huyền Trang	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1165	Lê Vũ Minh Trí	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1166	Huỳnh Trần Minh Tuấn	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1167	Nguyễn Ngọc Kim Tuyền	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1168	Nguyễn Ngọc Thiên Ý	8A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1169	Điệp Quốc Anh	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1170	Lê Đức Anh	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1171	Nguyễn Kim Anh	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1172	Nguyễn Lâm Quỳnh Anh	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1173	Nguyễn Tuấn Anh	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1174	Nguyễn Ngọc Ánh	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1175	Vũ Khánh Bằng	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1176	Lê Lâm Thủy Dung	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1177	Nguyễn Lê Khánh Duy	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1178	Vân Ngọc Hân	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1179	Châu Phước Hiệp	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1180	Lê Minh Hiếu	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1181	Hồ Nguyễn Huy Hoàng	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1182	Trương Gia Hưng	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1183	Nguyễn Phước Khải	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1184	Nguyễn Duy Khang	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

1185	Lâm Dương Khánh	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1186	Nguyễn Tuấn Kiệt	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1187	Phạm Thủy Kỳ	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1188	Đào Uy Lâm	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1189	Phan Tiến Minh	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1190	Tạ VT Minh	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1191	Triệu Đỗ Hà My	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1192	Đỗ Thị Thu Nga	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1193	Nguyễn Trần Giang Nghi	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1194	Lưu Kim Ngọc	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1195	Trần Kim Ngọc	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1196	Đặng Thị Quỳnh Như	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1197	Khuu Nguyễn Ngọc Phát	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1198	Lê Trương Tuấn Phát	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1199	Vũ Quang Phúc	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1200	Nguyễn Ngọc Minh Phương	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1201	Đoàn Thị Kim Phương	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1202	Trần Minh Quân	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1203	Nguyễn Thanh Sơn	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1204	Vũ Minh Tâm	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1205	Huỳnh Thị Ngọc Thảo	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1206	Nguyễn Thành Thông	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1207	Nguyễn Trần Anh Thư	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1208	Lâm Minh Tiến	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1209	Nguyễn Minh Tiến	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1210	Nguyễn Anh Trí	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1211	Đặng Thu Trinh	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1212	Trương Lâm Trúc	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1213	Lê Trần Như Uyên	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1214	Nguyễn Linh Cẩm Uyên	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1215	Nguyễn Hoàng Khánh Vy	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1216	Nguyễn Ngọc Phương Vy	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1217	Trương Ngọc Kim Yên	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1218	Tô Kim Khi	8A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1219	Đặng Quốc Anh	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1220	Nguyễn Ngọc Tuyết Anh	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1221	Phan Nguyễn Minh Anh	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1222	Phan Hoàng Gia Bảo	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1223	Trần Gia Bảo	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1224	Huỳnh Kim Băng	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1225	Nguyễn Văn Trí Dũng	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1226	Nguyễn Minh Duy	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1227	Trần Kỳ Duyên	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1228	Vũ Quốc Đạt	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1229	Vũ Thành Đạt	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1230	Đặng Huy Hoàng	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1231	Vũ Đoàn Xuân Hồng	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1232	Trương Đình Tuấn Huy	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1233	Nguyễn Gia Hưng	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1234	Lương Duy Khai	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1235	Nguyễn Tuấn Khang	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1236	Hồ Lê Minh Khoa	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

1237	Phạm Phương Lan	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1238	Nguyễn Thanh Lâm	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1239	Nguyễn Hoàng Lộc	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1240	Lê Tuấn Minh	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1241	Lý Thị Kiều Mỹ	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1242	Nguyễn Thị Ngọc Nga	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1243	Phan Nguyễn Khánh Ngọc	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1244	Võ Trần Thiên Ngọc	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1245	Trần Nguyễn Tô Nguyên	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1246	Vương Lê Thanh Nhì	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1247	Trần Nguyễn Quỳnh Như	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1248	Nguyễn Hoài Tiêm Phát	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1249	Lê Bình Phú	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1250	Nguyễn Hoàng Phúc	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1251	Đặng Anh Quân	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1252	Nguyễn Lê Hoàng Quân	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1253	Ngô Như Quỳnh	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1254	Trịnh Nguyễn Hoàng Sơn	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1255	Lâm Thanh Tân	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1256	Nguyễn Thành Thông	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1257	Lưu Huỳnh Anh Thư	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1258	Trần Ngọc Minh Thư	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1259	Võ Minh Tiến	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1260	Nguyễn Bảo Toàn	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1261	Huỳnh Minh Trí	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1262	Đoàn Thanh Trúc	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1263	Mai Xuân Trúc	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1264	Lê Trần Phương Uyên	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1265	Ngô Bùi Thanh Vân	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1266	Phan Hồ Thủy Vân	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1267	Lý Phạm Thanh Vy	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1268	Nguyễn Ngọc Bảo Vy	8A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1269	Đỗ Phương Anh	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1270	Trần Đặng Ngọc Quỳnh Anh	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1271	Lương Gia Bảo	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1272	Trương Hoàng Bảo	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1273	Chu Đình Chí	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1274	Nguyễn Trúc Đào	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1275	Nguyễn Minh Đạt	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1276	Nguyễn Thành Đạt	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1277	Lê Phạm Quỳnh Giang	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1278	Huỳnh Lê Phương Hào	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1279	Nguyễn Hoàng Gia Hân	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1280	Trần Huy Hoàng	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1281	Phan Bảo Huy	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1282	Chu Tú Huyền	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1283	Lê Nguyễn Quốc Hưng	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1284	Nguyễn Minh Khang	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1285	Phạm Nguyễn Tuấn Khang	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1286	Huỳnh Lương Tuấn Kiệt	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1287	Phạm Lê Hà Linh	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1288	Lê Thanh Lộc	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

1287	Trịnh Phan Phước Lộc	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1288	Nguyễn Công Minh	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1289	Lê Ngọc Kim Ngân	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1290	Nguyễn Việt Ngân	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1291	Lê Hữu Nghĩa	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1294	Phạm Lưu Bích Ngọc	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1295	Huỳnh Kim Khả Nhi	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1296	Nguyễn Hoàng Lâm Phong	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1297	Phan Thị Mai Phương	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1298	Đỗ Minh Quân	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1299	Nguyễn Anh Quân	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1300	Nguyễn Duyên Trúc Quỳnh	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1301	Trần Thành Tài	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1302	Nguyễn Minh Thịnh	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1303	Nguyễn Minh Thuận	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1304	Lê Thị Thanh Thủy	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1305	Nguyễn Lê Minh Thư	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1306	Nguyễn Phạm Minh Thư	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1307	Huỳnh Minh Trí	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1308	Nguyễn Quốc Triều	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1309	Huỳnh Thị Thanh Trúc	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1310	Lâm Thanh Trúc	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1311	Trần Nhật Trường	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1312	Trần Thị Thủy Uyên	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1313	Nguyễn Vũ Quốc Việt	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1314	Nguyễn Vũ	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1315	Huỳnh Ngọc Thanh Vy	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1316	Bùi Thị Hải Yến	8A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1317	Lưu Đặng Lan Anh	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1318	Trần Văn Anh	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1319	Nguyễn Thanh Bảo	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1320	Trương Long Gia Bảo	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1321	Châu Hoàng Kim Dang	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1322	Kim Minh Đông	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1323	Lâm Quốc Đạt	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1324	Nguyễn Đức Tân Đạt	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1325	Trần Hưng Giang	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1326	Tân Ngọc Hán	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1327	Lê Hữu Hậu	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1328	Nguyễn Minh Huy	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1329	Trịnh Gia Hưng	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1330	Khưu Trường Khả	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1331	Đỗ Minh Khang	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1332	Phan Tuấn Khang	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1333	Giàng Diệp Khánh	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1334	Huỳnh Nhật Lâm	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1335	Trần Ngọc Linh	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1336	Nguyễn Hoàng Lộc	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1337	Nguyễn Phan Tài Lộc	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1338	Nguyễn Ngọc Khánh Mai	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1339	Nguyễn Nam	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1340	Đinh Tuyết Ngân	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

1341	Trần Phương Ngân	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1342	Đặng Quốc Anh Nguyễn	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1343	Nguyễn Hoàng Ngọc Nguyễn	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1344	Trần Ngọc Tuyết Nhi	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1345	Nguyễn Thiên Phúc	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1346	Phạm Uyên Phương	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1347	Cao Anh Quân	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1348	Lương Minh Quân	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1349	Nguyễn Chí Quân	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1350	Nguyễn Hoàng Thái	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1351	Ngô Trần Kim Thanh	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1352	Triệu Kim Thành	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1353	Phan Hải Thuận	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1354	Phạm Nguyễn Minh Thư	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1355	Hồ Ngọc Bảo Thy	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1356	Huỳnh Nhật Thy	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1357	Huỳnh Minh Triết	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1358	Nguyễn Phú Trọng	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1359	Nguyễn Ngọc Thủy Trúc	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1360	Lê Ngọc Cẩm Tú	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1361	Trần Hoàng Minh Tú	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1362	Triệu Vi	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1363	Lê Huỳnh Quang Vinh	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1364	Phạm Thị Mai Xuân	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1365	Nguyễn Trần Hoàng Yến	8A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1366	Nguyễn Bùi Ngân Anh	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1367	Nguyễn Phúc Bảo Anh	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1368	Trần Gia Bảo	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1369	Đinh Võ Thanh Bình	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1370	Lý Quốc Dương	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1371	Nguyễn Phạm Đình Đông	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1372	Phan Anh Đức	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1373	Trần Nguyễn Phương Giang	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1374	Trần Ngọc Hân	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1375	Trần Phúc Hậu	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1376	Lê Chi Huy	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1377	Nguyễn Chi Khang	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1378	Phạm Phúc Khang	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1379	Lê Hoàng Minh Khiêm	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1380	Đoàn Lê Thiên Kim	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1381	Phan Thủy Lâm	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1382	Nguyễn Minh Long	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1383	Trần Quốc Long	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1384	Phạm Hoàng Tấn Lộc	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1385	Đặng Thị Phương Mai	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1386	Nghiêm Quốc Mạnh	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1387	Ngô Mai Ngân	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1388	Phạm Xuân Nghi	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1389	Lưu Sỹ Nguyễn	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1390	Nguyễn Thanh Nhã	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1391	Trần Lê Kim Nhung	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1392	Lưu Thanh Phúc	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

1393	Trần Hoàng Phúc	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1394	Nguyễn Trần Thanh Quang	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1395	Nguyễn Minh Quân	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1396	Nguyễn Thị Ngọc Quy	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1397	Nguyễn Đức Tài	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1398	Nguyễn Ngọc Kim Thanh	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1399	Nguyễn Hữu Thành	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1400	Trang Lê Quang Thắng	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1401	Phạm Huỳnh Kim Thủy	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1402	Đinh Thị Như Tiên	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1403	Vũ Mạnh Tiến	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1404	Đinh Thị Yến Trang	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1405	Trần Thị Thanh Trúc	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1406	Nguyễn Ngọc Anh Trung	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1407	Vũ Mạnh Trung	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1408	Vũ Quốc Tuấn	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1409	Nguyễn Thị Kim Tuyền	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1410	Nguyễn Thành Vinh	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1411	Bùi Nguyễn Trúc Vy	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1412	Nguyễn Phương Vy	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1413	Trương Ngọc Thanh Xuân	8A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1414	Nguyễn Hải Anh	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1415	Nguyễn Thị Hồng Ánh	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1416	Ngô Gia Bảo	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1417	Nguyễn Trần Liêm Chính	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1418	Lê Anh Duy	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1419	Nguyễn Trần Quốc Duy	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1420	Lê Quang Đức	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1421	Mai Thị Phương Giao	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1422	Phạm Nguyễn Ngọc Hân	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1423	Đỗ Phúc Hậu	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1424	Nguyễn Hoàng Huy	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1425	Nguyễn Văn Hoàng Hưng	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1426	Hoàng Vi Khang	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1427	Vũ Nguyễn Khang	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1428	Phan Minh Khon	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1429	Nguyễn Hoàng Thiên Kim	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1430	Mechacha Wassila Kim Lan	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1431	Nguyễn Văn Chí Long	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1432	Vũ Hoàng Long	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1433	Phan Ngọc Anh Luân	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1434	Nguyễn Thị Tuyết Mai	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1435	Phạm Thị Trà My	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1436	Lý Bảo Ngân	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1437	Huỳnh Xuân Nghi	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1438	Nguyễn Tiến Nguyễn	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1439	Lê Ngọc Yến Nhi	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1440	Lê Nguyễn Hoàng Phúc	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1441	Nguyễn Trọng Phúc	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1442	Trần Thị Diễm Phúc	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1443	Nguyễn Vũ Như Quỳnh	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1444	Trần Đức Sang	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

1445	Phạm Minh Tâm	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1446	Nguyễn Sơn Thành	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1447	Phạm Thanh Thảo	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1448	Vũ Minh Thắng	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1449	Lê Ngọc Thanh Thủy	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1450	Huỳnh Thùy Tiên	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1451	Trần Văn Trọng Tin	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1452	Trần Kim Thanh Trúc	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1453	Phan Huy Trương	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1454	Nguyễn Lê Thanh Tú	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1455	Phạm Đại Tuấn	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1456	Nguyễn Lê Thanh Tuyền	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1457	Trịnh Thị Diệu Tuyền	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1458	Trần Quốc Việt	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1459	Nguyễn Chí Vinh	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1460	Nguyễn Vũ Thanh Vy	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1461	Nguyễn Đỗ Minh Xuân	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1462	Nguyễn Huỳnh Phi Yến	8A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1463	Trần Ngọc Khánh An	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1464	Nguyễn Hoàng Khánh Anh	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1465	Nguyễn Hoàng Kim Bảo	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1466	Trần Lê Như Bình	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1467	Lê Thanh Danh	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1468	Trương Tấn Dũng	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1469	Thần Thái Lê Giang	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1470	Huỳnh Ngọc Hà	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1471	Ngô Huỳnh Mỹ Hằng	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1472	Trang Hoàng Hiệp	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1473	Lâm Minh Hiếu	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1474	Lê Nguyễn Đình Huy	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1475	Lục Minh Huy	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1476	Vũ Hoàng Khang	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1477	Hồ Trần Đăng Khoa	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1478	Nguyễn Minh Khôi	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1479	Trần Huỳnh Trung Kiên	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1480	Nguyễn Thị Thanh Kim	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1481	Hồ Hoàng Thùy Linh	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1482	Trần Thanh Long	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1483	Phạm Quốc Mạnh	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1484	Nguyễn Ngọc Ái Mi	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1485	Nguyễn Thái Thiên Minh	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1486	Huỳnh Kim Ngân	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1487	Lư Bảo Nghi	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1488	Vũ Hải Nguyễn	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1489	Vũ Nguyễn Ái Nhi	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1490	Vân Họa Nhiên	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1491	Nguyễn Hoàng Phúc	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1492	Vũ Hồng Phúc	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1493	Huỳnh Hồng Tú Phương	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1494	Đào Nhật Quang	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1495	Lê Ngọc Phương Quỳnh	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1496	Nguyễn Hoàng Sang	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	

1497	Lê Thanh Thảo	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1498	Nguyễn Minh Thiện	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1499	Nguyễn Ngọc Thiện	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1500	Nguyễn Ngọc Thiện	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1501	Phạm Ngọc Bảo Thy	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1502	Phạm Kim Tin	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1503	Bùi Thị Bích Trâm	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1504	Trần Thanh Trúc	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1505	Lê Anh Tú	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1506	Trần Thanh Tùng	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1507	Trần Thị Bạch Tuyết	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1508	Lê Võ Khánh Vân	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1509	Đinh Quốc Việt	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1510	Đặng Huỳnh Vy	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1511	Trần Dương Phúc Vỹ	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1512	Nguyễn Thị Thanh Xuân	8A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1513	Nguyễn Thị Thái An	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1514	Nguyễn Ngọc Phương Anh	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1515	Trịnh Lan Anh	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1516	Vũ Ngọc Trâm Anh	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1517	Lê Nguyễn Vĩnh Ân	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1518	Phạm Lê Ngọc Châu	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1519	Nguyễn Thành Minh Đăng	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1520	Lê Phước Giàu	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1521	Trần Nguyễn Bảo Hân	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1522	Võ Thị Ngọc Hân	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1523	Nguyễn Thị Thu Hiền	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1524	Trần Minh Hiền	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1525	Lê Quốc Huy	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1526	Nguyễn Anh Huy	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1527	Nguyễn Gia Huy	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1528	Phạm Minh Huy	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1529	Lý Quốc Hưng	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1530	Nguyễn Thị Thu Hương	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1531	Dương Tân Khang	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1532	Đinh Bảo Khang	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1533	Nguyễn Trần Nhật Khang	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1534	Đặng Anh Khởi	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1535	Hoàng Nguyễn Khởi	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1536	Huỳnh Võ Minh Khởi	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1537	Hồ Tuấn Kiệt	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1538	Lương Tuấn Kiệt	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1539	Nguyễn Ngọc Lam	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1540	Ngô Trần Bảo Liêm	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1541	Trần Ngọc Linh	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1542	Phạm Thị Trà My	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1543	Lê Nguyễn Bích Ngọc	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1544	Nguyễn Phan Bảo Ngọc	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1545	Lâm Tri Nhân	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1546	Nguyễn Trần Phương Nhi	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1547	Nguyễn Hồng Phúc	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1548	Thần Ngọc Phúc	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

1549	Phạm Đức Quân	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1550	Đặng Thanh Nhã Quỳnh	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1551	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1552	Nguyễn Duy Thanh	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1553	Đào Huỳnh Phương Thảo	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1554	Nguyễn Hồng Quang Thắng	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1555	Trần Ngọc Anh Thư	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1556	Trần Ngọc Kim Thư	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1557	Lê Ngọc Yến Trang	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1558	Nguyễn Ngọc Trâm	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1559	Trần Đức Trí	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1560	Ngô Nhật Trường	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1561	Phạm Hoàng Tùng	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1562	Châu Ngọc Mai Vàng	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1563	Trương Mỹ Văn	8A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1564	Hoàng Thiên An	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1565	Nguyễn Huỳnh Thủy An	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1566	Nguyễn Ngọc Khánh An	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1567	Lê Ngọc Anh	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1568	Nguyễn Hồ Quỳnh Anh	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1569	Trần Minh Anh	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1570	Trương Võ Quỳnh Anh	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1571	Huỳnh Ngọc Bảo Châu	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1572	Phan Nguyễn Ngọc Diệp	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1573	Võ Thu Giang	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1574	Cao Võ Khánh Hà	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1575	Nguyễn Thị Hồng Hà	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1576	Lâm Thiên Hải	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1577	Trần Đại Hào	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1578	Nguyễn Huy Hoàng	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1579	Ngô Công Hùng	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1580	Lê Hoàng Huy	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1581	Lê Hoàng Gia Huy	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1582	Nguyễn Minh Khởi	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1583	Nguyễn Bảo Khuyển	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1584	Nguyễn Hoàng Lân	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1585	Nguyễn Mai Gia Linh	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1586	Phạm Nguyễn Yến Linh	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1587	Nguyễn Đình Văn Long	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1588	Tăng Mỹ Ngân	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1589	Trần Ngọc Bảo Ngân	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1590	Nguyễn Đình Phương Nghi	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1591	Nguyễn Ngọc Phương Nghi	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1592	Huỳnh Lê Bảo Ngọc	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1593	Nguyễn Thái Bảo Ngọc	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1594	Lê Trần Yến Nhi	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1595	Trần Hoàng Gia Nhi	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1596	Trương Tuyết Nhi	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1597	Nguyễn Thị Ngọc Như	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1598	Bùi Xuân Pha	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1599	Nguyễn Thành Phú	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1600	Lý Hồ Như Phúc	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

1601	Võ Hoàng Phúc	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1602	Võ Minh Quân	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1603	Bùi Phan Dự Thảo	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1604	Nguyễn Hà Phước Thêm	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1605	Phạm Châu Trí Thiện	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1606	Phạm Ngọc Thuận	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1607	Khúc Liễu Thư	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1608	Đặng Đỗ Quỳnh Thy	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1609	Nguyễn Ngọc Phương Trang	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1610	Đoàn Ngọc Bảo Trân	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1611	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1612	Trần Phương Uyên	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1613	Vũ Quang Vinh	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1614	Hoàng Phạm Ngọc Vy	8A11	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1615	Hà Thiéc An	8P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1616	Trần Ngọc Anh	8P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1617	Trịnh Thiên Ân	8P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1618	Trần Châu Chí Công	8P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1619	Trần Ngô Quốc Duy	8P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1620	Lê Phạm Thảo Dương	8P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1621	Lê Thị Trang Đài	8P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1622	Vũ Thị Linh Đan	8P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1623	Trần Việt Hoa	8P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1624	Phạm Huy Hoàng	8P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1625	Nguyễn Hoàng Huy	8P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1626	Nguyễn Trương Gia Huy	8P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1627	Lê Ngọc Khánh Huyền	8P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1628	Nguyễn Kim Minh Hy	8P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1629	Trần Lê Đăng Khôi	8P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1630	Bùi Triệu Lâm	8P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1631	Lai Khánh Minh	8P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1632	Sao Thị Ngọc Ngà	8P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1633	Trần Ái Như	8P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1634	Tiêu Như Phúc	8P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1635	Hà Thiéc Phúc	8P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1636	Lê Quang	8P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1637	Trần Mỹ Quỳnh	8P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1638	Nguyễn Thiện An Quỳnh	8P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1639	Huỳnh Thanh Tài	8P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1640	Nguyễn Hữu Tài	8P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1641	Trần Châu Chí Thánh	8P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1642	Hà Gia Thịnh	8P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1643	Phạm Trọng Tân	8P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1644	Trần Minh Trí	8P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1645	Nguyễn Thanh Tuyền	8P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1646	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1647	Phạm Trâm Anh	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1648	Phạm Thị Phương Ash	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1649	Phạm Quốc Bảo	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1650	Huỳnh Khai Doanh	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1651	Nguyễn Quốc Dũng	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1652	Phạm Trần Thanh Đạt	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

1653	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1654	Ngô Tấn Vĩnh Hưng	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1655	Phạm Ngọc Bảo Khanh	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1656	Bùi Tuấn Khoa	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1657	Nguyễn Đăng Khoa	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1658	Nguyễn Lê Đăng Khoa	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1659	Tạ Anh Khôi	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1660	Trần Minh Khôi	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1661	Trịnh Ngọc Linh	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1662	Nguyễn Phúc Bảo Long	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1663	Trịnh Hoàng Long	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1664	Huỳnh Tuấn Luân	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1665	Cao Phan Ái Mỹ	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1666	Bùi Thiên Nam	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1667	Phạm Khánh Ngân	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1668	Võ Tuyết Ngọc	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1669	Nguyễn Văn Quốc Nguyễn	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1670	Phan Hữu Nhân	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1671	Nguyễn Đỗ An Nhiên	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1672	Phạm Ngọc Bích Như	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1673	Đào Minh Phát	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1674	Huỳnh Nguyễn Thanh Phong	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1675	Lê Hoàng Phúc	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1676	Hồ Kim Phụng	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1677	Nguyễn Thị Như Quỳnh	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1678	Lê Hoàng Sơn	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1679	Phạm Nguyễn Yến Thanh	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1680	Lương Lê Chi Thuận	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1681	Nguyễn Minh Thư	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1682	Trần Thị Minh Thư	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1683	Hồ Nguyễn Bảo Thy	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1684	Trần Tuấn Từ	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1685	Phạm Ngô Minh Vy	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1686	Võ Nguyễn Ngọc Vy	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1687	Nguyễn Ngọc Như Ý	8TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1688	Nguyễn Đào Quỳnh Anh	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1689	Phạm Nguyễn Minh Anh	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1690	Nguyễn Huy Cường	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1691	Hứa Xuân Dân	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1692	Phạm Phú Định	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1693	Mai Nguyễn Bảo Hà	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1694	Nguyễn Trang Hiếu	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1695	Võ Khánh Hưng	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1696	Nguyễn Lê Minh Khang	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1697	Đoàn Anh Khoa	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1698	Quách Anh Khoa	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1699	Nguyễn Nguyễn Khôi	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1700	Võ Hoài Đăng Khôi	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1701	Nguyễn Võ Hoàn Kim	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1702	Lê Minh Long	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1703	Bùi Nguyễn Phước Lộc	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1704	Đỗ Hiền Lương	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000



1705	Nguyễn Bá Bảo Minh	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1706	Nguyễn Quang Minh	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1707	Nguyễn Nhật Nam	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1708	Ninh Thị Kim Ngân	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1709	Vũ Nguyễn Hoài Ngọc	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1710	Vũ Khánh Ngọc	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1711	Trần Đình Nguyễn	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1712	Nguyễn Quỳnh Như	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1713	Vũ Thị Quỳnh Như	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1714	Phan Nguyễn Hồng Phát	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1715	Phú	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1716	Vũ Nguyễn Nhật Quang	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1717	Nguyễn Hoàng Minh Quân	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1718	Hồ Nguyễn Như Quỳnh	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1719	Nguyễn Ngọc Minh Tân	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1720	Dương Thanh Thảo	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1721	Nguyễn Minh Thiện	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1722	Lê Ngọc Anh Thư	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1723	Nguyễn Ngọc Bảo Thy	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1724	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1725	Nguyễn Phạm Nhật Trường	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1726	Lương Nguyễn Phương Vy	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1727	Nguyễn Nhật Tường Vy	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1728	Bùi Hoàng Yến	8TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1729	Phan Tú Anh	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1730	Nguyễn Trường Dũng	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1731	Đinh Nguyễn Thành Đạt	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1732	Lê Nguyễn Hải Đăng	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1733	Khuê Kim Khánh Hà	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1734	Dỗ Kim Ngọc Hải	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1735	Trương Thị Ngọc Hân	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1736	Nguyễn Quỳnh Hương	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1737	Khuê Bà Khang	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1738	Lâm Phước Khang	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1739	Phan Tuấn Khang	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1740	Vũ Duy Khối	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1741	Huỳnh Ngọc Kim	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1742	Trần Lê Hoàng Kim	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1743	Phạm Quang Lâm	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1744	Trần Hoàng Phi Long	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1745	Nguyễn Thành Minh	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1746	Lương Ngọc Yến Nghi	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1747	Trần Thục Bảo Nghi	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1748	Trịnh Thảo Nguyễn	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1749	Huỳnh Ngọc Nhi	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1750	Vũ Yến Nhi	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1751	Nguyễn Đức Xuân Phương	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1752	Nguyễn Hoàng Tây Phương	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1753	Nguyễn Nhã Quyên	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1754	Nguyễn Minh Tâm	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1755	Đinh Trọng Tấn	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1756	Lưu Thái Thành	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

1757	Tăng Gia Thành	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1758	Đào Thanh Thảo	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1759	Nguyễn Thị Kim Thắm	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1760	Nguyễn Huỳnh Minh Thư	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1761	Nguyễn Lê Anh Thư	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1762	Tăng Anh Thư	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1763	Nguyễn Văn Nhật Tiến	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1764	Huỳnh Hải Minh Triết	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1765	Võ Ngọc Thanh Trúc	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1766	Trần Anh Tuấn	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1767	Phạm Hữu Thiên Tường	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1768	Trương Thanh Vân	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1769	Từ Yến Vy	8TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1770	Lê Ngọc Khánh An	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1771	Trần Công Danh	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1772	Nguyễn Trí Dũng	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1773	Phan Trí Dũng	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1774	Nguyễn Ngọc Ánh Dương	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1775	Phạm Thành Đạt	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1776	Nguyễn Trần Ngọc Hân	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1777	Dương Bảo Khang	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1778	Nguyễn Quỳnh Như Khánh	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1779	Nguyễn Anh Khoa	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1780	Trần Nguyễn Đăng Khoa	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1781	Phạm Bảo Thiên Kim	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1782	Võ Phạm Nhã Kỳ	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1783	Nguyễn Ngọc Lam	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1784	Nguyễn Ngọc Linh	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1785	Trịnh Hải Linh	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1786	Nguyễn Xuân Lộc	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1787	Phạm Hoàng Bảo Lộc	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1788	Nguyễn Tiến Mạnh	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1789	Hà Hữu Minh	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1790	Nguyễn Hoàng Minh	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1791	Phạm Tô Quốc Minh	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1792	Đào Thảo Nguyễn	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1793	Nguyễn Hồ Gia Nguyễn	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1794	Đỗ Kim Nhi	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1795	Lâm Tuyết Nhi	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1796	Lưu Phụng Nhi	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1797	Lê Hồng Nhung	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1798	Nguyễn Cát Phụng	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1799	Nguyễn Minh Phước	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1800	Nguyễn Hoàng Quân	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1801	Trần Nguyễn Hoàng Quân	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1802	Lê Vũ Ngọc Quyền	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1803	Hồ Thụy Phương Quỳnh	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1804	Lương Tô Sơn	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1805	Đỗ Thanh Tâm	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1806	Lê Nguyễn Bà Thanh	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1807	Nguyễn Hoàng Thành	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1808	Phạm Thị Thu Thảo	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

1809	Nguyễn Minh Thư	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1810	Trần Ngọc Minh Thư	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1811	Ôn Ngọc Bảo Thy	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1812	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1813	Lưu Vĩnh Tiên	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1814	Huỳnh Thị Mỹ Trâm	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1815	Nguyễn Minh Trí	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1816	Huỳnh Thanh Trúc	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1817	Luong Minh Trường	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1818	Nguyễn Mai Khánh Vy	9A1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1819	Đinh Quốc Bình An	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1820	Phạm Hoài An	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1821	Đặng Ngọc Hoài Bảo	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1822	Lê Thị Thủy Dương	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1823	Nguyễn Ngọc Ánh Dương	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1824	Nguyễn Phan Thanh Hiền	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1825	Nguyễn Ngọc Hiếu	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1826	Dương Lê Khai Hoàng	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1827	Phạm Minh Khang	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1828	Trương Võ Đăng Khánh	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1829	Nguyễn Nhật Thiên Kim	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1830	Nguyễn Cao Ngọc Linh	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1831	Nguyễn Chu Thành Long	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1832	Huỳnh Đoàn Khởi Minh	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1833	Nguyễn Thị Kiều My	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1834	Phạm Ngọc Phương My	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1835	Trịnh Hoàng Nam	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1836	Trần Thị Kim Ngân	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1837	Nguyễn Trần Khánh Ngọc	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1838	Đào Trí Nhân	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1839	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1840	Đoàn Thị Hồng Oanh	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1841	Chung Tiến Phát	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1842	Đỗ Quang Phú	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1843	Lưu Thiên Phúc	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1844	Nguyễn Trọng Phúc	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1845	Võ Thanh Phương	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1846	Nguyễn Thị Lan Quỳnh	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1847	Trần Thị Như Quỳnh	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1848	Hồ Hoàng Sơn	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1849	Võ Tiến Thành	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1850	Thảo	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1851	Phạm Thị Phương Thảo	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1852	Nguyễn Nam Thịnh	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1853	Nguyễn Quốc Thịnh	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1854	Phạm Kim Thư	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1855	Nguyễn Ngọc Bích Thủy	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1856	Nguyễn Ngọc Minh Thư	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1857	Võ Ngọc Bảo Thy	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1858	Đặng Mỹ Tiên	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1859	Nguyễn Quốc Tiến	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1860	Nguyễn Phúc Toàn	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

1861	Trần Thùy Trang	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1862	Trần Thị Bích Trâm	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1863	Hoàng Nhật Bảo Trâm	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1864	Trần Thị Thu Trâm	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1865	Đặng Kiều Vy	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1866	Lê Võ Khánh Vy	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1867	Phạm Thái Huỳnh Thảo Vy	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1868	Phạm Minh Xuân	9A2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1869	Trần Lê Thảo An	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1870	Nguyễn Ngọc Kim Anh	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1871	Vũ Nguyễn Thiên Ân	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1872	Trần Lê Công Danh	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1873	Nguyễn Công Danh	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1874	Đặng Quốc Đại	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1875	Tiêu Quỳnh Giao	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1876	Đỗ Gia Huy	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1877	Phạm Thanh Huy	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1878	Nguyễn Đăng Khoa	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1879	Phạm Đặng Thiên Kim	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1880	Vân Ngọc Lam	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1881	Vương Minh Lâm	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1882	Trần Võ Quốc Minh	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1883	Hoàng Ngọc Khánh Ngân	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1884	Đặng Gia Bảo Ngọc	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1885	Phạm Hồng Ngọc	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1886	Phạm Khánh Ngọc	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1887	Phan Nguyễn Kim Ngọc	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1888	Âu Nguyễn Bảo Nguyên	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1889	Dương Thị Tâm Như	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1890	Nguyễn Tấn Phát	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1891	Phạm Hoàng Phúc	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1892	Lê Trần Kiên Quốc	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1893	Nguyễn Thị Ái Quỳnh	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1894	Phan Trí Quyền	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1895	Trương Tú Quỳnh	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1896	Nguyễn Lê Như Tâm	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1897	Nguyễn Hoàng Thanh	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1898	Trương Trí Thành	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1899	Nguyễn Hoàng Phương Thảo	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1900	Nguyễn Trần Thị	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1901	Trần Cao Thông	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1902	Đặng Xuân Thủy	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1903	Phạm Thị Diễm Thủy	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1904	Nguyễn Trương Minh Thư	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1905	Phan Quỳnh Thư	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1906	Phạm Hoàng Tiến	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1907	Trần Lý Anh Quốc Tiến	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1908	Cao Ngọc Nhì Trâm	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1909	Lê Ngô Thành Trúc	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1910	Nguyễn Minh Tuấn	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1911	Quách Nguyễn Minh Tuấn	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1912	Phạm Thanh Tuấn	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	

1913	Đinh Ngọc Như Tuyết	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1914	Bùi Thị Thanh Tuyết	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1915	Nguyễn Mai Thơi VT	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1916	Lê Nguyễn Ái Vy	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1917	Thạch Anh Phương Vy	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1918	Nguyễn Phương Vy	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1919	Hu Tzu Wei	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1920	Đoàn Như Ý	9A3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1921	Mai Quỳnh Anh	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1922	Chiều Kim Ánh	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1923	Nguyễn Đỗ Minh Ánh	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1924	Nguyễn Hoàng Danh	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1925	Trần Công Danh	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1926	Lâm Khánh Dương	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1927	Lê Quang Đạt	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1928	Trần Huỳnh Phát Đạt	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1929	Lê Huỳnh Đức	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1930	Phạm Ngọc Giàu	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1931	Mai Ngọc Hà	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1932	Nguyễn Lê Gia Hân	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1933	Trần Hoài Hiệp	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1934	Ngô Thị Ngọc Huyền	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1935	Lê Phạm Mai Khanh	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1936	Trần Anh Khôi	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1937	Vũ Lê Anh Kiệt	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1938	Phạm Hoàng Thiến Kim	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1939	Huỳnh Tấn Lộc	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1940	Vũ Kiều Mỹ	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1941	Dương Thị Kim Nga	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1942	Vũ Thái Hoàng Nguyễn	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1943	Phạm Vũ Thành Nhân	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1944	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1945	Nguyễn Vĩnh Ngọc Nhi	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1946	Nguyễn Ngọc Tuyết Nhung	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1947	Mai Nguyễn Hoàng Phúc	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1948	Nguyễn Thị Ngọc Phụng	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1949	Nguyễn Anh Quân	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1950	Nguyễn Hoàng Quý	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1951	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1952	Trần Hoàng Thắng	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1953	Trần Hoàng Thông	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1954	Nguyễn Hoàng Anh Thuận	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1955	Huỳnh Ngọc Thủy Tiên	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1956	Lê Ngọc Trâm	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1957	Nguyễn Thị Thủy Trâm	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1958	Nguyễn Hà Ngọc Trâm	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1959	Nguyễn Thiện Xuân Trí	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1960	Trịnh Lập Trí	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1961	Mai Ngọc Lan Trinh	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1962	Đỗ Minh Tú	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1963	Nguyễn Tuấn Tú	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1964	Phạm Anh Tuấn	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

1969	Nguyễn Ngọc Mỹ Uyên	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1969	Trương Ngô Nhã Uyên	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1967	Nguyễn Huỳnh Kiến Văn	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1968	Trần Thế Vinh	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1969	Lê Phương Vy	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1970	Nguyễn Hoàng Yến Vy	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1971	Đặng Kim Yên	9A4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1972	Ngô Thục An	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1973	Nguyễn Trường An	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1974	Hoàng Ngọc Phương Anh	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1975	Tạ Quỳnh Anh	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1976	Trần Minh Anh	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1977	Mai Xuân Bách	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1978	Nguyễn Gia Bảo	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1979	Lê Thị Thanh Chúc	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1980	Nguyễn Đoàn Đạt	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1981	Trần Tấn Đạt	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1982	Trần Thuận Đạt	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1983	Vũ Thị Thu Hà	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1984	Nguyễn Hồng Mỹ Hào	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1985	Hoàng Ngọc Hân	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1986	Nguyễn Phan Ngọc Hân	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1987	Lâm Trung Hậu	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1988	Trần Lê Hiếu	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1989	Trần Gia Hòa	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1990	Lâm Ngọc Huy	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1991	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1992	Nguyễn Bảo Khanh	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1993	Hoàng Anh Khôi	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1994	Nguyễn Phạm Gia Linh	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1995	Trần Ngọc Khánh Linh	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1996	Ông Đình Bảo Long	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1997	Phạm Diệp Hoàng Minh	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1998	Hồ Nguyễn Xuân Nghi	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1999	Trần Phạm Thanh Ngọc	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2000	Trương Bảo Ngọc	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2000	Vũ Phạm Khánh Ngọc	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2002	Phạm Thành Nhân	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2003	Huỳnh Như	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2004	Trần Quỳnh Như	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2005	Phan Kim Phụng	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2006	Vũ Đặng Gia Phước	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2007	Bùi Như Quỳnh	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2008	Nguyễn Phúc Thịnh	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2009	Phạm Thanh Thư	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2010	Nguyễn Minh Tiến	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2011	Cao Lê Ngọc Trinh	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2012	Đặng Quốc Trọng	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2013	Phan Thị Ngọc Trúc	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2014	Trần Thanh Từ	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2015	Nguyễn Văn Tuấn	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2016	Hồ Đức Việt	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

2007	Phạm Hoàng Quang Vinh	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2008	Trương Vũ Hoàng Vinh	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2009	Hà Vũ Hoàng Vương	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2010	Lê Thị Yến Vy	9A5	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2011	Nguyễn Phúc Như Anh	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2012	Nguyễn Phương Anh	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2013	Trần Chí Hải Anh	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2014	Cao Ngọc Ánh	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2015	Châu Gia Bảo	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2016	Đỗ Hoàng Thiên Bảo	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2017	Hồ Gia Bảo	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2018	Hồ Hoài Bảo	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2019	Nguyễn Quân Bảo	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2020	Dương Chí Thành Công	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2021	Huỳnh Minh Cường	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2022	Nguyễn Phương Duyên	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2023	Hồ Minh Đạt	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2024	Nguyễn Đức Hải	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2025	Trần Ngọc Hải	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2026	Trần Ngọc Bảo Hân	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2027	Vũ Nguyễn Gia Hân	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2028	Trần Khánh Hoàng	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2029	Đỗ Minh Hùng	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2030	Phạm Gia Huy	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2031	Trương Gia Huy	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2032	Hoàng Đỗ Thiên Hương	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2033	Vũ Duy Khôi	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2034	Nguyễn Duy Khánh	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2035	Nguyễn Lê Tân Khôi	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2036	Phạm Quỳnh Mai Khôi	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2037	Nguyễn Hoàng Ngọc Lam	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2038	Cao Trần Khánh Linh	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2039	Nguyễn Thiết Quang Long	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2040	Nguyễn Thị Trúc Ly	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2041	Nguyễn Ngọc Xuân Mai	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2042	Nguyễn Thanh Mai	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2043	Nguyễn Quốc Minh	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2044	Nguyễn Đặng Quỳnh Như	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2045	Nguyễn Ngọc Như	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2046	Trần Văn Phát	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2047	Trần Thanh Phương	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2048	Nguyễn Như Quỳnh	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2049	Vũ Thành Tài	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2050	Trần Phương Thanh	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2051	Trịnh Như Thanh	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2052	Lê Thị Thanh Thảo	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2053	Lê Thị Ngọc Thủy	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2054	Dương Ánh Tiên	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2055	Trần Thị Ngọc Tiên	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2056	Nguyễn Thị Tuyền	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2057	Nguyễn Khánh Văn	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2058	Nguyễn Ái Vy	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

2069	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	9A6	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2070	Lê Vũ Anh	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2071	Nguyễn Thị Quế Anh	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2072	Nguyễn Thị Trâm Anh	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2073	Phạm Ngọc Văn Anh	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2074	Trần Hoàng Thiên Anh	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2075	Nguyễn Ngọc Thiên Ân	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2076	Trần Tuấn Bảo	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2077	Phan Việt Duy	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2078	Huỳnh Thị Mỹ Duyên	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2079	Trương Văn Đạt	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2080	Lương Tuấn Đức	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2081	Thái Văn Gia Hào	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2082	Lê Nguyễn Hằng Hân	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2083	Võ Hoàng Gia Hân	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2084	Lê Huy Hoàng	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2085	Lê Thanh Hồng	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2086	Nguyễn Gia Huy	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2087	Phan Gia Huy	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2088	Trần Khánh Huy	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2089	Huỳnh Hữu Khanh	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2090	Nguyễn Lê Đăng Khoa	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2091	Đoàn Trung Kiên	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2092	Huỳnh Diễm Kiều	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2093	Trần Ngọc Thiên Kim	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2094	Nguyễn Ngọc Kim Liên	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2095	Nguyễn Phi Long	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2096	Huỳnh Thu Ngân	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2097	Phạm Thanh Ngân	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2098	Nguyễn Hoàng Nghĩa	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2099	Võ Ngộ Triều Nghĩa	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2100	Phan Đức Nhân	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2101	Huỳnh Nguyễn Minh Nhật	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2102	Nguyễn Trần Yến Nhi	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2103	Lương Tuấn Phúc	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2104	Phan Ngọc Như Quỳnh	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2105	Trần Kim Sơn Sơn	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2106	Võ Thành Tài	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2107	Lê Quốc Thái	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2108	Phạm Hữu Thắng	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2109	Nguyễn Ngọc Phương Thủy	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2110	Châu Ngọc Minh Thư	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2111	Nguyễn Ngọc Minh Thư	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2112	Bùi Lê Bảo Trâm	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2113	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2114	Đoàn Thanh Trúc	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2115	Võ Thị Ánh Tuyền	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2116	Lưu Vũ Thanh Vy	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2117	Hoàng Thị Hải Yến	9A7	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2118	Nguyễn Hoàng Anh	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2119	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2120	Nguyễn Linh Chi	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

2121	Nguyễn Ngọc Mai Chi	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2122	Đặng Trần Hà Diệu	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2123	Trịnh Minh Đạt	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2124	Trần Hồng Hạnh	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2125	Đỗ Thị Thủy Hằng	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2126	Trương Gia Hân	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2127	Mai Ngọc Hân	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2128	Nguyễn Phúc Hậu	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2129	Phạm Thị Thảo Hiền	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2130	Tổng Hữu Hiếu	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2131	Trần Huy Hoàng	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2132	Nguyễn Nhật Hùng	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2133	Nguyễn Trần Hoàng Huy	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2134	Lê Quốc Huy	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2135	Nguyễn Bùi Hoàng Hưng	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2136	Phan Văn Khang	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2137	Lê Khắc Gia Khánh	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2138	Nguyễn Minh Khởi	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2139	Nguyễn Đoàn Anh Kiệt	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2140	Nguyễn Xuân Lâm	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2141	Tạ Thủy Linh	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2142	Trịnh Hoàng Vũ Lộc	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2143	Giảng Thanh Trúc Mai	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2144	Đỗ Phùng Trà My	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2145	Trần Thị Hồng Ngân	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2146	Lê Kim Ngân	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2147	Châu Thủy Ngân	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2148	Nguyễn Thanh Ngọc	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2149	Nguyễn Lâm Yến Ngọc	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2150	Lê Hoàng Nguyễn	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2151	Lê Uyên Nhi	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2152	Lê Huỳnh Hồng Nhung	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2153	Nguyễn Hùng Phát	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2154	Lê Huy Phát	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2155	Hoàng Thiên Phú	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2156	Huỳnh Ngọc Anh Phương	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2157	Nguyễn Quỳnh Trúc Quân	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2158	Lê Thị Tuyết Quy	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2159	Nguyễn Văn Quý	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2160	Nguyễn Thành Tài	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2161	Tạ Võ Văn Tài	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2162	Trang Thị Phương Thi	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2163	Lâm Ngọc Bích Trâm	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2164	Trần Ngọc Bảo Trâm	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2165	Thái Trần Huyền Trân	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2166	Dương Huỳnh Ngọc Tri	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2167	Lâm Nguyễn Anh Trung	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2168	Phan Hữu Trường	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2169	Phạm Tuấn Vũ	9A8	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2170	Phan Thành Trường An	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2171	Vũ Quốc Bảo	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2172	Phan Khả Di	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

2173	Nguyễn Kỳ Duyên	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2174	Võ Ngọc Gia Hân	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2175	Võ Ngọc Hân	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2176	Ngô Đức Huy	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2177	Trần Nhật Huy	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2178	Hà Mỹ Huyền	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2179	Trần Quang Khải	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2180	Nguyễn Lương Gia Khang	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2181	Trần Lê Việt Khang	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2182	Phạm Quốc Khánh	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2183	Nguyễn Trần Minh Khôi	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2184	Phạm Kiên Khôi	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2185	Tạ VTKiệt	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2186	Bùi Thị Thúy Kiều	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2187	Võ Thị Minh Kiều	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2188	Ngô Sỹ Long	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2189	Trà Nguyễn Thành Long	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2190	Trần Thị Ngọc Mai	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2191	Vũ Hoàng Minh	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2192	Lê Ngọc Kim Ngân	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2193	Lê Nguyễn Mỹ Kim Ngân	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2194	Trần Thảo Ngân	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2195	Trần Huỳnh Thái Ngọc	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2196	Lâm Thảo Nguyễn	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2197	Phan Thị Thảo Nguyễn	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2198	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2199	Phạm Huỳnh Như	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2200	Đỗ Mạnh Phát	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2201	Tạ Kim Phát	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2202	Nguyễn Võ Kim Phúc	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2203	Lê Nguyễn Kim Phụng	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2204	Dương Nguyễn Nam Phương	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2205	Ngô Hoàng Lan Phương	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2206	Vũ Minh Quân	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2207	Nguyễn Tiến Quốc	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2208	Châu Huỳnh Như Quỳnh	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2209	Huỳnh Tạ Chí Tâm	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2210	Nguyễn Lê Tiến Thành	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2211	Giáp Lê Thanh Thảo	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2212	Nguyễn Trọng Tín	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2213	Đinh Thị Thủy Trang	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2214	Vũ Hiền Trung	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2215	Trần Thanh Tuyền	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2216	Vũ Hồng Vân	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2217	Nguyễn Hoàng Phương Vy	9A9	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2218	Đặng Nguyễn Phương Anh	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2219	Nguyễn Lê Trâm Anh	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2220	Lý Đặng Quốc Bảo	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2221	Nguyễn Gia Bảo	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2222	Vũ Việt Bảo	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2223	Phạm Khánh Bằng	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2224	Phan Thanh Bình	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

1117	Huỳnh Ngọc Bảo Châu	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1118	Bùi Tấn Dũng	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1117	Trần Nhật Duy	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1128	Nguyễn Trương Huỳnh Đồng	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1129	Nguyễn Quỳnh Giang	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1130	Nguyễn Việt Hà	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1131	Phạm Chân Hào	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1132	Châu Trần Ngọc Hân	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1133	Bùi Đức Hoàng	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1134	Lê Nguyễn Minh Hoàng	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1135	Lâm Gia Huy	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1136	Nguyễn Gia Huy	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1137	Phan Tấn Huy	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1138	Trần Hoàng Hồng Khánh	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1139	Trần Tuấn Kiệt	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1140	Nguyễn Ngọc Thủy Linh	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1141	Trương Ngọc Ánh Linh	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1142	Nguyễn Lê Hoàng Mai	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1143	Lê Ngọc Trà My	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1144	Lê Thị Kiều Ngân	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1145	Nguyễn Kim Ngân	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1146	Phạm Hoàng Kim Ngân	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1147	Nguyễn Phương Nghi	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1148	Huỳnh Trọng Nghĩa	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1149	Nguyễn Đức Nghĩa	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1150	Nguyễn Huỳnh Trí Nghĩa	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1151	Trần Thảo Nguyên	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1152	Nguyễn Thành Nhân	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1153	Ngô Ngọc Mẫn Nhi	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1154	Vũ Trần Gia Nhi	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1155	Nguyễn Đào Ngọc Như	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1156	Hà Phúc Tấn Phát	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1157	Đào Nguyễn Khánh Phong	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1158	Lê Hoàng Phong	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1159	Nguyễn Đoàn Đại Phú	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1160	Nguyễn Đoàn Việt Phú	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1161	Lê Văn Phụng	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1162	Lê Nhật Phương	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1163	Nguyễn Hòa Minh Quân	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1164	Trần Nguyễn Thành Quân	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1165	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1166	Huỳnh Nguyễn Thanh Thư	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1167	Lâm Gia Tin	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1168	Huỳnh Ngọc Minh Trang	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1169	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1170	Võ Ngọc Bảo Trâm	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1171	Trần Nhật Bảo Trâm	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1172	Nguyễn Tường Đồng Trúc	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1173	Trần Thụy Tường Vân	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1174	Lê Trí Việt	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1175	Trịnh Ngọc Phương Vy	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1176	Vũ Thanh Vy	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

1271	Nguyễn Ngọc Như Ý	9A10	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1272	Hồ Ngọc Châu	9P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1273	Lê Hoàng Đông	9P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1280	Lê Đăng Anh Dương	9P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1281	Trần Nghi Hạo	9P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1282	Nguyễn Thế Hùng	9P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1283	Nguyễn Sĩ Khang Hưng	9P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1284	Thạch Phương Khánh	9P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1285	Trần Thị Hồng Mai	9P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1286	Võ Trần Hoàng Mai	9P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1287	Phạm Thị Kiều My	9P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1288	Mã Bảo Phương Nghi	9P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1289	Nguyễn Lê Ánh Ngọc	9P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1290	Ngô Nguyễn Bá Phong	9P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1291	Nguyễn Minh Phước	9P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1292	Nguyễn Võ Như Quỳnh	9P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1293	Huỳnh Lê Tấn	9P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1294	Nguyễn Huỳnh Nhật Tân	9P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1295	Nguyễn Thái Thiện Thanh	9P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1296	Ngô Hoàng Thắng	9P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1297	Phan Thế Tuấn	9P	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1298	Nguyễn Hồng Thiên An	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1299	Nguyễn Lê Khánh An	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1300	Lê Như Trâm Anh	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1301	Lê Quốc Anh	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1302	Trịnh Mai Anh	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1303	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1304	Nguyễn Trần Ngọc Bảo	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1305	Lê Thị A Châu	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1306	Trịnh Thiên Bảo Châu	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1307	Nguyễn Linh Đan	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1308	Phạm Thành Đạt	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1309	Lê Phạm Thanh Hà	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1310	Phùng Ngọc Hiền	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1311	Tạ Lê Hiếu	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1312	Đào Gia Huy	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1313	Tăng Thường Huy	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1314	Trần Gia Huy	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1315	Hà Ngọc Thanh Hương	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1316	Trần Hoàng Khang	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1317	Võ Hoàng Anh Khang	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1318	Nguyễn Minh Khôi	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1319	Nguyễn Chung Anh Kiệt	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1320	Huỳnh Lê Ngọc Linh	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1321	Huỳnh Lê Bảo Long	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1322	Liệu Hoàng Minh	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1323	Nguyễn Lê Quang Minh	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1324	Nguyễn Cao Kim Ngân	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1325	Trần Phương Nghi	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1326	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1327	Trần Phúc Nguyên	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1328	Lâm Phạm Thanh Nhã	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

2329	Châu Thành Nhân	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2330	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2331	Nguyễn Thị Quỳnh Như	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2332	Bùi Thanh Nhật	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2333	Nguyễn Thành Phúc	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2334	Vũ Bá Phong	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2335	Cam Hồng Phúc	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2336	Phạm Tấn Sang	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2337	Lê Vĩnh Tài	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2338	Đoàn Ngọc Phương Thảo	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2339	Nguyễn Ngọc Quang Thắng	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2340	Nguyễn Mai Thị	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2341	Dương Quốc Thịnh	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2342	Nguyễn Lê Thủy Tiên	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2343	Trương Kim Bảo Trân	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2344	Trương Ngọc Bảo Trân	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2345	Nguyễn Minh Trung	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2346	Nguyễn Minh Tú	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2347	Đặng Trí Việt	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2348	Nguyễn Lê Thảo Vy	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2349	Phạm Nguyễn Phương Vy	9TC1	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2350	Đoàn Minh An	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2351	Nguyễn Khoa Diệu An	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2352	Đặng Quỳnh Anh	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2353	Ngô Thái Anh	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2354	Nguyễn Thị Văn Anh	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2355	Trần Tiến Anh	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2356	Nguyễn Minh Bảo	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2357	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2358	Nguyễn Hiếu Thủy Dương	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2359	Hồ Khánh Đăng	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2360	Lý Gia Hân	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2361	Phan Trần Hoàng Gia Hân	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2362	Phạm Nguyễn Minh Hoàng	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2363	Đinh Như Quang Huy	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2364	Vũ Quang Huy	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2365	Trương Thái Hưng	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2366	Nguyễn Hồ Phúc Khang	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2367	Trương Tấn Khang	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2368	Nguyễn Nhật Tú Khanh	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2369	Nguyễn Hoàng Khánh	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2370	Phạm Nguyễn Hoàng Long	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2371	Đoàn Hữu Lộc	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2372	Đỗ Đình Ngọc Mẫn	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2373	Đào Nhật Minh	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2374	Nguyễn Tấn Minh	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2375	Vũ Nguyễn Phương Nam	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2376	Lưu Huỳnh Gia Nghi	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2377	Đặng Hoàng Bảo Ngọc	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2378	Lê Phương Thanh Ngọc	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2379	Đoàn Văn Trí Nguyễn	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
2380	Vương Bảo Nhiên	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	

1381	Trương Huỳnh Như	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1382	Nguyễn Tấn Phát	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1383	Trần Nguyễn Thái Phong	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1384	Trần Quốc Phong	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1385	Nguyễn Phạm Thiên Phúc	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1386	Tô Trương Hồng Phúc	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1387	Hồ Mai Phương	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1388	Lâm Thanh Thảo	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1389	Lê Việt Quang Trắng	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1390	Trần Huy Thông	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1391	Hoàng Gia Minh Thư	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1392	Trương Ngọc Tiên	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1393	Nguyễn Trung Tiến	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1394	Phạm Quang Tiến	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1395	Nguyễn Huỳnh Bảo Trang	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1396	Nguyễn Ngọc Tuyền	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1397	Thái Cát Tường	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1398	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1399	Nguyễn Minh Vũ	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1400	Nguyễn Thái Minh Vũ	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1401	Phan Nguyễn Bảo Vy	9TC2	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1402	Bùi Ngọc Anh	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1403	Nguyễn Thùy Anh	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1404	Phạm Hùng Anh	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1405	Phan Nguyễn Minh Anh	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1406	Võ Đức Anh	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1407	Nguyễn Ngọc Minh Châu	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1408	Trần Thị Thùy Duyên	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1409	Hồ Thành Đạt	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1410	Lê Thủy Hằng	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1411	Huỳnh Ngọc Gia Hân	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1412	Tạ Minh Hiền	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1413	Nguyễn Diệp Tường Huy	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1414	Nguyễn Hữu Huy	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1415	Phạm Gia Hưng	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1416	Nguyễn An Khang	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1417	Nguyễn Nguyễn Khang	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1418	Mai Đăng Khoa	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1419	Lê Vũ Đăng Khôi	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1420	Trần Ngọc Hoàng Lan	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1421	Huỳnh Công Minh	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1422	Trần Nhật Minh	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1423	Nguyễn Thái Hoài Nam	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1424	Lê Thị Kim Ngân	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1425	Trịnh Mỹ Ngân	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1426	Bùi Bảo Ngọc	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1427	Trần Anh Ngọc	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1428	Nguyễn Khôi Nguyên	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1429	Trần Nguyễn Minh Nguyệt	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1430	Lê Nguyễn Trọng Nhân	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1431	Tạ Ngọc Yến Như	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	
1432	Nguyễn Tấn Phát	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000	

1403	Trần Nguyễn Phong	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1404	Tiêu Gia Phúc	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1405	Trần Minh Phúc	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1406	Trần Hà Thảo Phương	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1407	Võng Hữu Tài	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1408	Phạm Diệu Thảo	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1409	Phạm Gia Phú Thịnh	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1410	Dương Kim Phương Thủy	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1411	Lâm Kim Thủy	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1412	Nguyễn Văn Tiến	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1413	Trương Đình Quý Trân	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1414	Đoàn Minh Trí	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1415	Trà Huỳnh Thanh Trúc	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1416	Trần Trí Trung	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1417	Trần Lê Tú Uyên	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1418	Trần Thành Văn	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1419	Nguyễn Nguyễn Vũ	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1420	Ngô Hoàng Ý	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1421	Nguyễn Thanh Yên	9TC3	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1422	Bạch Quỳnh Anh	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1423	Hồ Huỳnh Anh	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1424	Phan Thảo Anh	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1425	Trần Ngọc Trâm Anh	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1426	Mã Ngọc Ngân Châu	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1427	Nguyễn Đình Nhật Duy	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1428	Chung Ngọc Gia Hân	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1429	Phạm Gia Hân	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1430	Trương Ngọc Hân	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1431	Trương Hoàng Hữu	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1432	Võ Trần Gia Hay	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1433	Lại Quốc Hưng	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1434	Huỳnh Tấn Khang	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1435	Nguyễn Hoàng Khang	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1436	Nguyễn Lê Minh Khang	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1437	Trần Hoàng Khang	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1438	Nguyễn Lê Tấn Khánh	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1439	Lê Minh Khởi	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1440	Mai Đăng Khởi	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1441	Nguyễn Ngọc Phương Linh	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1442	Trần Nhật Linh	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1443	Nguyễn Thế Luân	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1444	Nguyễn Quốc Minh	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1445	Phạm Phương Uy Minh	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1446	Nguyễn Đặng Quỳnh My	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1447	Nguyễn Hồng Hà My	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1448	Nguyễn Ngọc Thảo My	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1449	Võ Kiều My	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1450	Nguyễn Khánh Nam	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1451	Ngô Ngọc Kim Ngân	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1452	Trần Vũ Bảo Ngân	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1453	Nguyễn Trà Phương Nghi	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
1454	Điệp Trí Nguyễn	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000

2485	Trần Cao Phi	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2486	Đỗ Gia Phúc	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2487	Phạm Nguyễn Thế Quang	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2488	Lê Anh Quân	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2489	Lê Ngọc Như Quỳnh	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2490	Nguyễn Phạm Nhật Sáng	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2491	Nguyễn Tuấn Thành	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2492	Nguyễn Đình Mai Thảo	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2493	Đoàn Trung Thông	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2494	Lê Ngọc Phương Thủy	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2495	Nguyễn Minh Thư	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2496	Phạm Hoàng Anh Thư	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2497	Tạ Huỳnh Đoàn Trang	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2498	Nguyễn Bảo Trâm	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2499	Trần Ngọc Trâm	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2500	Trịnh Phạm Minh Trí	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2501	Trịnh Nguyễn Thành Trung	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2502	Đặng Sơn Tùng	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2503	Đỗ Trần Thanh Vy	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2504	Trương Khả Vy	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
2505	Trần Anh Như	9TC4	Học sinh	300.000	5	240.000	1.200.000
TỔNG CỘNG							3.006.000.000

Số tiền bằng chữ: Ba tỷ không trăm lẻ sáu triệu đồng.

Tổng danh sách có :2505 học sinh

Ký toán


Đỗ Thị Trang




Đồng Thị Ngọc Dung

